

không lìa bỏ lời nói thô. Đó gọi là ác khẩu.

“Hoặc lời nói bại hoại thêu dệt⁵⁶, nói không đúng lúc, nói không thực tế, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, lời nói thiếu suy nghĩ. Nói những lời bại hoại như vậy.

“Không lìa bỏ tham lam; đối với tài vật người khác khởi tham dục, nói rằng ‘Nếu ta có vật này thì rất tốt’.

“Không xả bỏ sân nhuế tệ ác; trong tâm suy nghĩ, chúng sanh kia đáng bị trói, đáng bị roi vọt, gãy gốc, đáng giết, muốn cho nó khó sống.

“Không bỏ tà kiến; điên đảo thấy như vậy: ‘Không có bố thí, không có quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có nghiệp thiện ác và quả báo, không có đời này, đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh hóa sanh; thế gian không có A-la-hán, không có các vị chánh hành, chánh hướng⁵⁷ mà trong đời này hay đời khác tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’’ Này Thuần-đà, đó gọi là pháp đen, báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống... *cho đến cầm lấy* hay không cầm lấy tất cả đều bất tịnh.

“Này Thuần-đà, có pháp trắng, báo ứng trắng, tịnh và quả tịnh, nhẹ nhàng đi lên. Nếu ai đã tạo thành những thứ này, mà sáng sớm sờ đất, nói cái này tịnh ta tịnh, thì cũng được thanh tịnh, hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh; và cầm cục phân bò cùng nắm cỏ tươi, nếu nhân tịnh quả tịnh thì dù có cầm nắm hay không cầm nắm cũng được thanh tịnh.

“Thuần-đà, thế nào là pháp trắng, báo ứng trắng, đến, sờ hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh?

“Đó là, có nghĩa là người không sát sinh, lìa bỏ sát sanh, bỏ đao trượng, biết hổ thẹn, thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh. Không trộm cướp, lìa bỏ trộm cướp, vật cho thì lấy, không cho không lấy, tâm sạch không tham. Lìa tà dâm hoặc đối người được cha mẹ bảo hộ,... *cho đến* người trao vòng hoa đều không cưỡng bức, làm chuyện tà dâm.

⁵⁶. Ỷ sức hoại ngữ 綺 飾 壞 語 . Pāli: samphappalāpi, tạp uế ngữ.

⁵⁷. Nguyên Hán: đẳng thú đẳng hướng 等 趣 等 向 . Pāli: sammaggatā sammāpaṭipannā.

Lìa nói dối, căn cứ vào sự thật mà nói. Xa lìa nói hai lưỡi, không đi đến chỗ này nói chuyện chỗ kia, đến chỗ kia nói chuyện chỗ này, phá hoại lẫn nhau; đã bị ly gián nên làm hòa hợp, đã hòa hợp nên tùy hỷ. Xa lìa ác khẩu, không thô rắn, những lời nói ra khiến nhiều người ưa thích. Tránh lời nói hư hoại, nói lời chân thật, nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói có ý nghĩa, nói như pháp, nói chánh kiến. Lìa tham dục, đói với của cải, đồ vật người khác không tưởng là của mình mà sanh tham đốm. Lìa sân nhuế, không nghĩ đến việc đánh đập, bắt trói, giết hại, gây các tai nạn. Thành tựu chánh kiến, không thấy điên đảo, nói có bố thí, có quả báo, có phước, có quả báo thiện hạnh, ác hạnh, có đời này, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh, trong đời có A-la-hán, ngay trong đời này hay đời khác mà hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Nay Thuần-đà, đó gọi là pháp trắng, báo ứng trắng, đến, sờ hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh.”

Sau khi gia chủ Thuần-đà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lẽ ra về.

**

KINH 1040. XẨ HÀNH⁵⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Kim sư⁵⁹, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có Ba-la-môn vào ngày mười lăm, gội đầu, rồi thọ trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng⁶⁰, tay cầm nấm cỏ tươi đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy nhau xong, ngồi lui qua một bên.

Khi đó Phật bảo Ba-la-môn:

“Ông gội đầu, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, đó là pháp của ai vậy?”

Ba-la-môn bạch Phật:

⁵⁸. Pāli, A. 10. 167. Paccorohaṇī.

⁵⁹. Xem cht.49 kinh 1039.

⁶⁰. Xem cht.53 kinh 1039. Pāli: tadahuposathe sīsamñhāto navam̄ khomāyugam̄ nivattho, vào ngày trai giới, gội đầu, khoác cặp áo lụa khoma.

“Thưa Cù-đàm, đó là học pháp xả⁶¹.”

Thế Tôn hỏi Bà-la-môn:

“Thế nào là pháp xả của Bà-la-môn?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, cứ vào ngày mười lăm, gội đầu, giữ gìn trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, tay cầm cổ tươi, tùy khả năng mà bố thí, làm phước. Thưa Cù-đàm, đó gọi là Bà-la-môn tu tập hạnh xả.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Những thực hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền thánh thì khác ở đây.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, vậy sở hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền thánh như thế nào?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Lìa sát sanh, không thích sát sanh. Nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước. Y nơi sự không sát sanh, lìa bỏ sát sanh... cho đến nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước. Lìa trộm cướp, không thích trộm cướp, y nơi sự không trộm cướp, lìa bỏ sự lấy vật không cho. Lìa tà dâm, không thích tà dâm, y nơi sự không tà dâm, bỏ việc phi phạm hạnh. Lìa vọng ngữ, không thích vọng ngữ, y nơi sự không nói dối, xả bỏ lời nói không thật. Lìa hai lưỡi, không thích nói hai lưỡi, y nơi sự không nói hai lưỡi, xả bỏ hành ly gián. Lìa ác khẩu, không thích ác khẩu, y nơi sự không ác khẩu, bỏ lời thô ác. Lìa lời thêu dệt, không thích lời thêu dệt, y nơi sự không nói thêu dệt, bỏ lời vô nghĩa. Đoạn trừ tham dục, xa lìa khổ tham, y tâm không tham, xả bỏ ái trước. Đoạn trừ sân nhuế, không sanh phẫn hận, y không giận, xả bỏ sân hận. Tu tập chánh kiến, không khởi diên đảo, y chánh kiến, xả bỏ tà kiến.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là sở hành về hạnh xả theo Pháp luật của Hiền thánh.”

Bà-la-môn bạch Phật:

⁶¹: Xả pháp 捨法 . Pāli: paccorohaṇī, lễ Đì xuống; một nghi thức cúng tế Lửa của Bà-la-môn.

“Thưa Cù-dàm, lành thay! Những sở hành về hạnh xá theo Pháp luật của Hiền thánh.”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1041. SANH VĂN⁶²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có Phạm chí Sanh Văn⁶³ đi đến chỗ Phật, cùng Phật thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-dàm, con có người thân tộc rất thương mến, bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy nên bố thí với tín tâm. Thế nào, bạch Thế Tôn, người ấy có nhận được không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Không phải nhất định được. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong địa ngục, nó sẽ ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sanh mạng của nó, chứ không nhận được đồ ăn thức uống mà ông bố thí với tín tâm. Nếu nó sanh vào súc sanh, ngạ quỷ, hoặc loài người, họ sẽ được đồ ăn thức uống của loài người, không nhận được đồ bố thí của ông.

“Này Bà-la-môn, trong đường ngạ quỷ có một nơi tên là Nhập xứ ngạ quỷ⁶⁴. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong Nhập xứ ngạ quỷ kia, thì sẽ nhận được thức ăn của ông.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Nếu người thân tộc của con không sanh vào trong đường Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do tín tâm của con bố thí ai sẽ hưởng được?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu ông với tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sanh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì có những thân tộc quen biết khác đã sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ đó sẽ được hưởng.”

⁶². Pāli, A. 10. 177. Jāṇussoṇī.

⁶³. Sanh Văn Phạm chí 生聞梵志 . Pāli: Jāṇussoṇī brāhmaṇo.

⁶⁴. Nhập xứ ngạ quỷ 入處餓鬼 . Pāli: petavisayam, cảnh giới ngạ quỷ.

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu con vì tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ và cũng không có các thân tộc quen biết khác sanh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do lòng tin bố thí đó ai sẽ hưởng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Giả sử ông vì những thân tộc quen biết mà bố thí, nhưng họ không sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ và lại cũng không có những người quen biết khác sanh vào chốn ngạ quỷ, thì việc bố thí do lòng tin, tự mình sẽ được phước. Của bố thí do lòng tin của người thí chủ đó, sẽ không mất đạt-thần⁶⁵. ”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là thí chủ hành thí, để người bố thí được đạt-thần kia?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Có người sát sanh, làm những việc ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp bất thiện, *nói đầy đủ như kinh Thuần-đà*. Sau lại bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin bần cùng, đều bố thí tiền tài, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, những vật dụng trang nghiêm.

“Này Bà-la-môn, thí chủ kia nếu lại phạm giới sanh trong loài voi, nhưng vì người ấy đã từng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn tiền của, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm, nên tuy ở trong loài voi, nhưng cũng nhận được phước báo nhờ họ đã bố thí, từ quần áo, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm.

“Nếu lại sanh vào các loài súc sanh như trâu, ngựa, lừa, la v.v... nhưng cũng nhờ vào công đức thí ân trước, nên họ ắt sẽ nhận được phước báo kia tùy theo chỗ sanh tương ứng mà được thọ dụng.

“Này Bà-la-môn, nếu thí chủ kia lại trì giới, không sát sanh, trộm cướp,... *cho đến* chánh kiến và bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin nào là tiền của, áo quần, đồ ăn thức uống,

⁶⁵. Đạt-thần 達喦. Từ phiên âm; Pāli: dakkhiṇā, cũng dịch là cúng vật, thí vật. Phẩm vật cúng dường hay bố thí được cúng cho Tăng sau khi đã thọ trai. Đây chỉ sự thuyết pháp, chú nguyện hay hồi hướng của Tăng đối với vật được cúng dường.

đèn đuốc, nhờ công đức này mà sanh trong loài người, ngồi hưởng thụ phước báo này, từ áo quần, đồ ăn thức uống... *cho đến* những vật dụng như đèn đuốc.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu họ lại trì giới, thì sẽ được sanh lên cõi trời, vì họ nhờ vào những thí ân nên được hưởng những thứ phước báo về tài bảo, áo quần, đồ ăn thức uống,... *cho đến* những vật dụng trang nghiêm cõi trời.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là người bố thí hành thí; khi người bố thí thọ nhận đạt-thần, quả báo không mất.”

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1042. BỀ-LA-MA (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ⁶⁶ phía Bắc làng Bề-la-ma⁶⁷. Bấy giờ, các gia chủ làng Bề-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ phía Bắc làng. Nghe vậy, họ cùng rủ nhau đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì, có những chúng sanh khi mang chung sanh vào địa ngục?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

“Vì nhân duyên tạo những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục.”

Các gia chủ Bà-la-môn bạch Phật:

“Những gì là hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, để đến khi thân hoại mạng chung bị sanh vào địa ngục?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

“Vì nhân duyên sát sanh... *cho đến* tà kiến, đủ mười nghiệp bất thiện.

⁶⁶. Thân-thứ lâm 身 (= 伸) 恕 林, Pāli: siṃsapa-vana, rừng cây siṃsapa, một loại cây lớn, tên khoa học Dalbergiasisu.

⁶⁷. Bề-la-ma tụ lạc 韶 羅 磨 聚 落 . Pāli: Velāma (?).

“Này Bà-la-môn, đó là những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Vì những nhân duyên gì mà chúng sanh khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

“Vì nhân duyên đã tạo ra những hành động đúng pháp, hành động chân chánh nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời.”

Lại hỏi Thế Tôn:

“Tạo những hành động gì đúng pháp, những hành động gì chân chánh để khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

“Là nhân duyên lìa sát sanh... *cho đến* chánh kiến, mười nghiệp lành thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời.

“Này các gia chủ Bà-la-môn, nếu người nào có những hành động đúng pháp, hành động chân chánh này, muốn cầu sanh vào nhà quyền quý Sát-lợi, hoặc dòng họ Bà-la-môn uy thế, dòng họ Cư sĩ có tiếng, đều được sanh vào đó. Vì sao? Vì nhân duyên hành động đúng pháp và hành động chân chánh. Hoặc lại muốn sanh vào Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên... *cho đến* Tha hóa tự tại thiêng, đều sẽ được sanh về. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và hành động chân chánh, trì tịnh giới nên tự nhiên sẽ đạt được tất cả những gì mình muốn. Hoặc lại có người nào hành động đúng pháp và hành động chân chánh như vậy, mà muốn cầu sanh vào Phạm thiên thì cũng được sanh về. Vì sao? Vì đã tạo hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục nên sẽ đạt được những sở nguyện. Hoặc lại muốn cầu sanh về cõi Quang âm, Biến tịnh,... *cho đến* A-già-ni-trá cũng lại như vậy. Vì sao? Vì người này trì giới thanh tịnh, tâm ly dục. Hoặc lại muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện, có giác, có quán,... *cho đến* chứng và trụ đệ Tứ thiền, tất cả được thành tựu. Vì sao? Vì người này hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên thành tựu mọi ước nguyện. Muốn cầu Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi tưởng nhập xứ, tất cả đều được. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên đạt được mọi ước nguyện. Muốn cầu đoạn tận

ba kết, đắc quả Tu-dà-hoàn, Tư-dà-hàm, A-na-hàm, vô lượng thân thông, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới, ly dục, nên đạt được mọi ước nguyện.”

Sau khi các gia chủ Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi ra về.

**
*

KINH 1043. BỀ-LA-MA (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ phía Bắc làng Bề-la-ma. Bấy giờ, các gia chủ Bà-la-môn trong làng Bề-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ làng Bề-la-ma. Nghe vậy, họ đi xe ngựa trắng, có nhiều tùy tùng theo hai bên, cầm dù lọng cán vàng, bình tắm vàng, ra khỏi làng Bề-la-ma, đến rừng cây Thân-thứ. Đến đầu đường, họ xuống xe đi bộ, tiến vào cửa vườn, đến trước Thế Tôn, thăm hỏi an úy nhau xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-dàm, vì nhân gì, duyên gì có người khi mạng chung sanh vào địa ngục,... *cho đến sanh lên trời?*” *Nói đây đủ như kinh trên.*

Sau khi các Bà-la-môn Tỳ-la-ma nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

**
*

KINH 1044. BỀ-NỮU-ĐA-LA⁶⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ, phía Bắc làng Bề-nữu-đa-la⁶⁹. Gia chủ Bà-la-môn làng Bề-nữu-đa-la nghe Phật đang nghỉ nơi này; sau đó rủ nhau đến rừng cây Thân-thứ, đến trước Thế Tôn thăm hỏi an

⁶⁸. Pāli, S. 55. 7. Veludvāreyyā.

⁶⁹. Bề-nữu-đa-la 韓紐多羅. Pāli: Veludvāram nāma Kosalānam brāhmaṇagāmo, thôn Bà-la-môn thuộc nước Kosala.

úy nhau xong, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ Bà-la-môn:

“Ta sẽ vì ông nói pháp tự thông⁷⁰, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Những gì là pháp tự thông? Thánh đệ tử nên học như vậy: Tôi tự nghĩ, nếu có người muốn giết tôi, điều đó tôi không thích. Cũng như vậy, điều mà nếu tôi không thích người khác cũng không thích. Tại sao lại giết họ? Nhận ra điều này rồi, sẽ thọ trì sự không sát sanh, không thích sát sanh. *Chi tiết như trên.*

“Nếu tôi không thích bị người trộm cướp, người khác cũng không thích. Vậy tại sao tôi lại trộm cướp đối với người? Cho nên hãy giữ giới không trộm cướp, không thích việc trộm cướp. *Nói như trên.*

“Tôi đã không thích người xâm phạm đến vợ tôi, người khác cũng không thích. Vậy tại sao nay tôi lại xâm phạm đến vợ người? Cho nên phải giữ giới không tà dâm đối với người. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích bị người dối gạt, người khác cũng như thế. Vậy tại sao lại dối gạt người khác? Cho nên, phải giữ giới không nói dối. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích người khác chia lìa thân hữu tôi, người khác cũng như vậy. Vậy tại sao nay tôi lại chia lìa thân hữu người khác? Cho nên không nói hai lưỡi. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích người khác nói lời thô ác, người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người khác mà lại mạ nhục? Cho nên đối với người khác không nên nói lời ác khẩu. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích người nói lời thêu dệt, người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người lại nói lời thêu dệt? Cho nên đối với người khác không nên nói lời thêu dệt. *Nói như trên.*

“Bảy pháp như vậy gọi là Thánh giới. Lại nữa, thành tựu tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật, thành tựu tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, đối với Tăng. Đó gọi là Thánh đệ tử thành tựu bốn bất hoại tịnh. Tự mình quán sát ngay bây giờ có thể tự ký thuyết, mình không còn vào địa ngục, không còn vào ngạ quỷ, súc sanh và không còn vào tất cả đường ác; đạt được pháp Tu-dà-hoàn, không rơi vào pháp đường

⁷⁰. Tự thông chi pháp 自通之法 . Pāli: attupanāyika dhammapariyāya, pháp môn liên hệ đến bản thân (tự ngã); chỉ sự tự tu dưỡng để được tự lợi ích.

ác, quyết định thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại cõi trời, người, cứu cánh biên tế khổ.”

Sau khi gia chủ Bà-la-môn làng Bề-nưu nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1045. TÙY LOẠI⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có những pháp thân cận⁷², hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

“Những gì là pháp thân cận? Người sát sanh thân cận người sát sanh. Trộm cắp, tà dâm, vọng ngũ, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến, chúng tùy theo loại thân cận nhau. Thí như vật bất tịnh cùng với vật bất tịnh tự hòa hợp nhau; cũng như vậy, sát sanh cùng sát sanh... *cho đến* tà kiến cùng tà kiến, tự thân cận nhau. Cũng vậy Tỳ-kheo, không sát sanh cùng với không sát sanh thân cận nhau... *cho đến* chánh kiến cùng với chánh kiến thân cận nhau. Thí như vật tịnh cùng vật tịnh hòa hợp nhau; sưa sanh lạc, lạc sanh tô, tô sanh đề hồ, đề hồ tự hòa hợp nhau. Cũng vậy, không sát sanh cùng với không sát sanh thân cận nhau... *cho đến* chánh kiến cùng với chánh kiến thân cận nhau. Đó gọi là pháp thân cận nhau của Tỳ-kheo.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1046. XÀ HÀNH⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại

⁷¹. Pāli, A. 10. 199. Sevitabba-bahupuñña.

⁷². Tương tập cận pháp 相習近法. Pāli: āsevitabbadhamma, cần được thân cận, cần được phục vụ.

⁷³. Pāli, A. 10. 205. Saṃsappaniya.

nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp rắn bò⁷⁴, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

“Thế nào là pháp rắn bò? Sát sanh, làm ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp ác, nói đầy đủ như kinh Thuần-đà trước. Lúc bấy giờ người ấy bò trườn với thân, bò trườn với miệng, bò trườn với ý. Khi bò trườn với thân, bò trườn với miệng, bò trườn với ý như vậy, một trong hai đường người đó đang hướng đến là địa ngục hoặc súc sanh. Chúng sanh bò trườn, là chỉ các loài chúng sanh đi bằng bụng như rắn, chuột, mèo, chồn. Đó gọi là pháp rắn bò.

“Thế nào là pháp không phải rắn bò? Không sát sanh... *cho đến* chánh kiến, nói đầy đủ về mười nghiệp thiện như kinh Thuần-đà trước. Đó gọi là pháp không phải rắn bò. Khi thân không phải rắn bò, miệng không phải rắn bò, ý không phải rắn bò, thì một trong hai đường họ sẽ sanh về là cõi trời hoặc cõi người. Đó gọi là pháp không phải rắn bò.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1047. VIÊN CHÂU (1)⁷⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác. Nếu chúng sanh nào có nhân như vậy, khi thân hoại mạng chung chắc chắn rơi vào địa ngục, đường ác. Giống như ném hạt châu tròn⁷⁶ vào hư không, sẽ rơi lại xuống đất lăn đi, không đình trú tại một chỗ⁷⁷. Cũng vậy, nhân nghiệp

⁷⁴. Xà hành pháp 蛇行法 . Pāli: saṃsapaniya-dhammapariyā, pháp môn quanh co, bò trườn như rắn bò.

⁷⁵. Pāli, A. 10. 206. Mani.

⁷⁶. Viên châu 圓珠 . Pāli: apaṇṇaka maṇi, viên ngọc ma-ni hoàn hảo.

⁷⁷. Pāli: yena yevena patiṭṭhāti supatiṭṭhitamyeva patiṭṭhāti, dừng chỗ nào thì đứng im tại chỗ đó.

ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ rơi vào địa ngục không có chỗ đình trú⁷⁸.

“Thế nào là nghiệp ác? Sát sanh... *cho đến* nói lời thêu dệt, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là nghiệp ác.

“Thế nào là tâm ác⁷⁹? Tâm tham, tâm sân nhuế, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là tâm ác.

“Thế nào là kiến ác? Tà kiến điên đảo, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là kiến ác. Đây gọi là nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ rơi vào địa ngục, đường ác. Nếu nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ được sanh về cõi trời, đường lành.

“Này Bà-la-môn, thế nào là nghiệp thiện? Lìa sát sanh, không ưa sát sanh,... *cho đến* không nói lời thêu dệt. Đó gọi là nghiệp thiện.

“Thế nào là tâm thiện? Không tham, không sân, đó gọi là tâm thiện.

“Thế nào là kiến thiện? Chánh kiến, không điên đảo... *cho đến* kiến không tái sanh đời sau. Đó gọi là kiến thiện. Đây gọi là nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ được sanh về cõi trời. Giống như ném hạt ma ni có bốn phương⁸⁰ vào hư không, nó rơi chỗ nào sẽ nằm yên chỗ đó; cũng vậy ba nhân thiện kia tùy thuộc vào chỗ thọ sanh mà an ổn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1048. VIÊN CHÂU (2)⁸¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁷⁸. Vô trú xứ 無住處 . Xem liên hệ thí dụ trên.

⁷⁹. Ác tâm. Pāli: akusalasañcetān, tư duy, ý chí bất thiện; bất thiện tư niệm.

⁸⁰. Tứ phương ma-ni 四方摩尼 ; ngọc ma-ni có bốn phương? Pāli: apaṇṇaka maṇī? Xem cht.77 trên.

⁸¹. Pāli, A. 10. 206. Maṇī.

“Nếu người sát sanh, mà tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị chết yếu. Sự lấy cùa không cho được tập nhiều, hành nhiều, sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, tiền cùa nhiều khó khăn. Sự tà dâm được tập nhiều, hành nhiều, sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, vợ con cùa nó bị người xâm phạm. Sự nói dối tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị người khác chê bai luộn. Sự nói hai lưỡi được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị bạn bè thân hữu xa lìa, chia rẽ. Sự nói thô ác được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, thường nghe những tiếng xấu. Sự nói lời thêu dệt được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, lời nói không được tin dùng. Tham dục được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, tham dục kia sẽ tăng trưởng. Sân nhuế được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sân nhuế kia sẽ tăng trưởng. Tà kiến được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, ngu si kia sẽ tăng trưởng.

“Nếu sự lìa bỏ sát sanh được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, chắc sẽ được sống lâu. Nếu sự lìa bỏ trộm cướp được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, tiền tài sẽ không mất. Nếu sự không tà dâm được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, vợ con sẽ thuần lương. Nếu sự không nói dối được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, sẽ không bị chê bai. Nếu sự không nói hai lưỡi được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, thân hữu sẽ bền vững. Nếu sự không nói lời ác được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, sẽ được nghe những âm thanh dịu dàng. Nếu sự không nói lời thêu dệt được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, lời nói sẽ được tin dùng. Nếu sự không tham lam được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, ái dục sẽ không tăng trưởng. Nếu sự không sân nhuế được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, sân nhuế sẽ không tăng trưởng. Nếu chánh kiến

được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh làm người, ngu si sẽ không tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1049. NA NHÂN⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sát sanh có ba thứ: Sanh khởi từ tham, sanh khởi từ sân, sanh khởi từ si,... *cho đến* tà kiến cũng có ba thứ: Sanh khởi từ tham, sanh khởi từ sân, sanh khởi từ si.

“Lìa sát sanh cũng có ba thứ: Sanh khởi từ không tham, sanh khởi từ không sân, sanh khởi từ không si,... *cho đến* lìa tà kiến cũng có ba thứ: Sanh khởi từ không tham, sanh khởi từ không sân, sanh khởi từ không si.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1050. PHÁP XUẤT KHÔNG XUẤT⁸³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nói là có pháp xuất và pháp xuất không xuất⁸⁴. Những gì là pháp xuất và pháp xuất không xuất? Nghĩa là không sát sanh, là sự

⁸². Pāli, A. 10. 174. Hetu.

⁸³. Pāli, A. 10. 175. Parikkamma.

⁸⁴. Xuất pháp xuất bất xuất pháp 出法出不出法 . Pāli: saparikkammo... ayaṁ dhammo... nāyaṁ dhammo aparikkammo, pháp này có thoát ly; pháp này không phải không thoát ly.

xuất ly đối với sát sanh,... *cho đến* chánh kiến, là sự xuất ly đối với tà kiến."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1051. BỜ KIA BỜ NÀY⁸⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-dàm, được nói là bờ này, bờ kia. Thế nào là bờ này? Thế nào là bờ kia?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Sát sanh là bờ này; không sát sanh là bờ kia. Tà kiến là bờ này; chánh kiến là bờ bên kia."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Một ít người tu thiện,
Có thể qua bờ kia;
Tất cả mọi chúng sanh,
Chạy rông bờ bên này.
Đối Chánh pháp luật này,
Nếu quán pháp, tướng pháp;
Thì họ qua bờ kia,
Hàng phục bọn ma chết.*

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Cũng vậy, ba kinh: Những gì Tỳ-kheo khác hỏi, Tôn giả A-nan hỏi và Phật hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như trên.

**
*

^{85.} Pāli, A. 10. 170. Tīra.

KINH 1052. CHÂN THẬT⁸⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp ác, có pháp chân thật⁸⁷. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

“Thế nào là pháp ác? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Đó gọi là pháp ác.

“Thế nào là pháp chân thật? Lìa sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là pháp chân thật.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1053. ÁC PHÁP⁸⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp ác, pháp ác ác, có pháp chân thật, pháp chân thật chân thật⁸⁹. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

“Thế nào là pháp ác? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là pháp ác. .

“Thế nào là pháp ác ác? Tự sát sanh, dạy người sát sanh,... *cho*

⁸⁶. Pāli, A. 10. 191. Saddhamma.

⁸⁷. Ác pháp, chân thật pháp 惡法 真實法. Pāli: saddhammañca, asaddhammañca, pháp vi diệu và pháp không vi diệu.

⁸⁸. Pāli, A. 4. 207-210. Pāpadhammā.

⁸⁹. Ác pháp ác ác pháp, chân thật pháp chân thật chân thật pháp 惡法 惡惡法, 真實法 真實真實法. Pāli: pāpadhammañca pāpadhammena pāpadhammatarañca; kalyāṇadhammañca kalyāṇadhammena kalyāṇadhammatarañca, pháp ác và pháp ác hơn pháp ác; pháp thiện lương và pháp thiện lương hơn pháp thiện lương.

đến tự khởi tà kiến, lại đem tà kiến dạy người làm. Đó gọi là pháp ác ác.

“Thế nào là pháp chân thật? Lìa sát sanh,... *cho đến* chánh kiến.

“Thế nào là pháp chân thật chân thật? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự mình thực hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy cho người thực hành. Đó gọi là pháp chân thật chân thật.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1054. PHÁP CHÂN NHÂN⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có người nam bất thiện và người nam thiện⁹¹. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

“Thế nào là người nam bất thiện? Người sát sanh,... *cho đến* người tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện.

“Thế nào là người nam thiện? Người không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là người nam thiện.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1055. MUỜI PHÁP (I)⁹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

^{90.} Pāli, A. 10. 192. Sappurisadhamma.

^{91.} Bất thiện nam tử thiện nam tử 不善男子 善男子 . Pāli: asappurisadhamma, sappurisa-dhamma, pháp không phải thiện sī, pháp thiện sī.

^{92.} Pāli, A. 4. 201. Sikkhāpada.

“Có người nam bất thiện; có người nam bất thiện hơn người nam bất thiện; có người nam thiện; có người nam thiện hơn người nam thiện. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

“Thế nào là người nam bất thiện? Người sát sanh,... *cho đến* người tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện.

“Thế nào là người nam bất thiện hơn người nam bất thiện? Người tự tay sát sanh, rồi dạy người sát sanh,... *cho đến* tự thực hành tà kiến, rồi dạy người thực hành tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện hơn người nam bất thiện.

“Thế nào là người nam thiện? Người không sát sanh... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là người nam thiện.

“Thế nào là người nam thiện hơn người nam thiện? Tự mình không sát sanh và dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự thực hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người khác thực hành. Đó gọi là người nam thiện.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1056. MƯỜI PHÁP (2)⁹³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người nào thành tựu mười pháp, như mâu sắt đâm xuống nước; người kia khi thân hoại mạng chung sẽ hạ nhập vào địa ngục, đường ác. Những gì là mươi? Đó là sát sanh... *cho đến* tà kiến. Nếu người nào thành tựu mười pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không; khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời. Những gì là mươi? Đó là không sát sanh... *cho đến* chánh kiến.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁹³. Pāli, A. 10. 210. Dasa-dhammā.

KINH 1057. HAI MUOI PHÁP⁹⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người nào thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là hai mươi? Tự tay sát sanh, bảo người sát sanh,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, lại dùng tà kiến dạy người hành. Đó gọi là thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

“Nếu người nào thành tựu hai mươi pháp, giống như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời. Những gì là hai mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người khác hành. Đó gọi là thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời.”

Phật nói kinh nay xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1058. BA MUOI PHÁP⁹⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba mươi pháp, nếu người nào thành tựu, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là ba mươi? Tự mình sát sanh, dạy người sát sanh và khen ngợi sát sanh,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, lại đem tà kiến dạy người khác hành và thường khen ngợi người hành tà kiến. Đó gọi là

^{94.} Pāli, A. 4. 211. Viśati-dhammā.

^{95.} Pāli, A. 4. 212. Tiṁśā-dhammā.

thành tựu ba mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

“Có ba mươi pháp, nếu người nào thành tựu, giống như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời. Những gì là ba mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh và thường khen ngợi công đức không sát sanh,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người hành và khen ngợi công đức chánh kiến. Đó gọi là thành tựu ba mươi pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời.”

Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1059. BỐN MƯƠI⁹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn mươi pháp, nếu thành tựu bốn mươi pháp này, như giáo sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là bốn mươi? Tự mình sát sanh, dạy người sát sanh, khen ngợi sát sanh, thấy người sát sanh lòng hoan hỷ theo,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, dạy người khác hành, khen ngợi tà kiến, thấy hành tà kiến sanh lòng hoan hỷ theo. Đó gọi là thành tựu bốn mươi pháp thì sẽ như giáo sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

“Có bốn mươi pháp, nếu thành tựu bốn mươi pháp, như giáo sắt chĩa lên không, khi thân hoại mạng chung được sanh lên trên trời. Những gì là bốn mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh, miệng thường khen ngợi công đức không sát sanh, thấy người không sát sanh, sanh lòng hoan hỷ theo,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, dạy người khác hành, thường khen ngợi công đức chánh kiến, thấy người hành chánh kiến sanh lòng hoan hỷ theo. Đó gọi là

⁹⁶. Pāli, A. 10. 213. Cattārīsa-dhammā.

thành tựu bốn mươi pháp, như giáo sắt chĩa lên không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1060. PHÁP PHI PHÁP KHỐ⁹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có phi pháp, có chánh pháp. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

“Thế nào là phi pháp? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là phi pháp.

“Thế nào là chánh pháp? Không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là chánh pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1061. PHI LUẬT CHÁNH LUẬT⁹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có phi luật, có chánh luật. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

“Thế nào là phi luật? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là phi luật.

“Thế nào là chánh luật? Không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là chánh luật.”

⁹⁷. Pāli, A. 10. 198. Sacchikātabba.

⁹⁸. Pāli, A. 10. Sādhu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như Phi luật và chánh luật; cũng thế Phi Thánh và Thánh, Bất thiện và thiện, Phi thân cận và thân cận, Chẳng lành thay và lành thay, Hắc pháp và bạch pháp, Phi nghĩa và chánh nghĩa, Pháp kém và pháp hơn, Pháp tội và pháp không tội, Pháp bỏ và pháp không bỏ, tất cả đều nói như trên.⁹⁹



^{99.} Tóm tắt có chín kinh.

TẠP A-HÀM QUYỂN 38

KINH 1062. THIỆN SANH¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Thiện Sanh² vừa mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, nên biết thiện nam tử Thiện Sanh này có hai chỗ đoan nghiêm³: Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà; hai là đã tận trừ các hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng⁴: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tịch tĩnh, sạch các lậu,
Tỳ-kheo trang nghiêm tốt;
Ly dục, đoạn các kết,
Không tái sanh, Niết-bàn.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục giặc ma oán.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹. Án Thuận, “Tụng viii. Tám chúng. 17. Tương ưng Tỳ-kheo”, gồm hai mươi hai kinh: 1165-1186; Đại Chánh, kinh 1062-1083. Quốc Dịch, quyển 32, “Tụng vii. Kệ. 1. Tương ưng Tỳ-kheo”, hai phẩm, hai mươi hai kinh. Phật Quang, quyển 38, kinh 1050-1068. Pāli, S. 21. 5. Sujāto. Biệt dịch, №100(1).

². Thiện Sanh 善 生 . Pāli: Sujāta.

³. Hán: nhị xứ đoan nghiêm 二處端嚴 . Pāli: ubhayena ... sobhati, sáng chói với hai điều.

⁴. Hán: tự tri tác chứng 自知作證 . Pāli: sayam abhiññā sacchikatvā, bằng thắng trí mà tự mình chứng nghiệm (chứng ngộ).

KINH 1063. XÚ LẬU⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo⁶ hình tướng xấu xí khó coi, bị các Tỳ-kheo khinh mạn, đến chô Phật. Khi ấy bốn chúng đang vây quanh bên Thế Tôn, thấy Tỳ-kheo này đến, tất cả đều có ý khinh mạn, liền nói với nhau rằng: “Tỳ-kheo đang đến kia là ai, mà hình tướng xấu xí, khó coi, bị mọi người khinh mạn vậy?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo nên bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy Tỳ-kheo đang đến, hình tướng thô xấu, khó coi kia, bị mọi người khinh mạn không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vâng, chúng con đã thấy vậy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với Tỳ-kheo này, các ông chớ có khởi ý tưởng khinh mạn. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này đã tận trừ các lậu, những việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã đoạn tận các hữu kết, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Này các Tỳ-kheo, các ông chớ xét đoán lầm người, chỉ có Như Lai mới có khả năng xét đoán người.”

Vị Tỳ-kheo này đến chô Phật, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy Tỳ-kheo này cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi lui qua một bên không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vâng, chúng con đã thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với Tỳ-kheo này, các ông chớ có ý khinh mạn,... *cho đến* các ông chớ xét đoán lầm người, chỉ có Như Lai mới có khả năng biết được người.”

⁵. Pāli, S. 21. 6. Bhaddi. Biệt dịch, №100(2).

⁶. Pāli: [Lakuṇḍaka-] Bhaddiya.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chim bay cùng thú chạy,
Tất cả sợ sự tử.
Sư tử vua loài thú,
Không có loài nào bắng.
Cũng vậy, người trí tuệ,
Tuy nhỏ nhưng mà lớn.
Chớ chấp thân tướng họ,
Mà sanh tâm khinh mạn.
Nào cần thân to lớn,
Thịt nhiều không trí tuệ.
Trí tuệ hiền thắng này,
Chính là bậc Thượng sĩ.
Ly dục, đoạn các kết,
Không tái sanh, Niết-bàn.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục các ma quân.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1064. ĐỀ-BÀ⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa⁸ có được lợi dưỡng từ A-xà-thế⁹ con bà Tỳ-đề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà. Hằng ngày cùng đoàn thị tùng với năm trăm cỗ xe đến chở Đề-bà-đạt-đa; hằng ngày đem năm trăm chõ đồ ăn cúng dưỡng Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa dẫn năm trăm người thành

7. Pāli, S. 17. 36. Ratha. Cf. A. 4. 68. Devadatta. Biệt dịch, №100(3)

8. Đề-bà-đạt-đa 提婆達多. Pāli: Devadatta.

9. Ma-kiệt-đà vương A-xà-thế Tỳ-đề-hy-tử 摩竭陀王阿闍世世子. Pāli: Ajātasattu-kumāro, vương tử Ajātasattu, chưa làm vua.

nhóm riêng¹⁰ nhận sự cúng dường này.

Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có những lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* nhóm riêng năm trăm người hưởng thụ sự cúng dường này. Khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đánh lỗ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* dẫn nhóm riêng năm trăm người hưởng thụ sự cúng dường này.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông chờ nói Đề-bà-đạt-đa đang được lợi dưỡng. Vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đa này, nếu hưởng thụ lợi dưỡng riêng thì đời này tự hoại và đời sau cũng bị hoại. Ví như cây chuối, lau, tre sanh quả liền chết, năm sau cũng hư hoại. Cũng lại như vậy, Đề-bà-đạt-đa, nếu thọ nhận sự cúng dường này, thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Thí như con la¹¹ mang thai thì chết; cũng như vậy Đề-bà-đạt-đa, nếu thọ nhận các lợi dưỡng thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Đề-bà-đạt-đa ngu si kia, sẽ tùy theo thời gian nhiều ít hưởng thụ lợi dưỡng này, mà phải lâu dài chịu khổ, không lợi ích. Cho nên, các Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Dù có lợi dưỡng đến, tôi cũng không sanh tâm nhiễm trước.’”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Chuối sanh quả liền chết,
Lau tre cũng như vậy.
La mang thai thì chết;
Người vì tham mà chết.
Thường làm hạnh phi nghĩa,
Biết nhiều không khỏi ngu;
Pháp lành ngày tổn giảm,
Cành khô, rễ cũng tàn.*

¹⁰. Biệt chúng 别眾 ; một số Tỳ-kheo trong Tăng tách thành nhóm riêng sinh hoạt biệt lập. Bản Pāli không có chi tiết này.

¹¹. Hán: cự hư 駆驢 ; giống thú hình như ngựa (Tử hổ). Pāli: assatara, giống lừa lai ngựa.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng.

**
*

KINH 1065. TƯỢNG THỦ¹²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có Thủ Tỳ-kheo¹³ là người dòng họ Thích, mang chung tại nước Xá-vệ.

Lúc ấy, sáng sớm có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Thủ Tỳ-kheo họ Thích mang chung ở nước Xá-vệ. Nghe xong vào thành Xá-vệ khất thực trở về cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích mang chung ở nước Xá-vệ. Thế nào, bạch Thế Tôn, Thủ Tỳ-kheo mang chung sẽ sanh về nơi nào? Họ sanh thế nào? Đời sau ra sao?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thủ Tỳ-kheo này thành tựu ba pháp bất thiện, nên khi mang chung sẽ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là ba pháp bất thiện? Là tham dục, sân khuếch và ngu si. Ba pháp bất thiện này trói buộc tâm. Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích sẽ sanh vào địa ngục, đường ác.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Tham dục, sân khuếch, si,
Trói buộc tâm con người;
Phát từ trong, tự hại.
Như lau, tre ra hoa.
Tâm không tham, khuếch, si,
Đó gọi là sáng suốt;*

¹². Biệt dịch, N°100(4).

¹³. Thủ Tỳ-kheo 手比丘. Biệt dịch: Tượng Thủ Tỳ-kheo. Pāli, hoặc Hattha (tay), hoặc Hatthi (voi).

*Phát từ trong, không hại,
Đó gọi là thắng xuất.
Cho nên phải lìa tham,
Tâm tối si, sân nhuế;
Tỳ-kheo trí tuệ sáng,
Khổ tận, Bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1066. NAN-ĐÀ (1)

Như Thủ Tỳ-kheo, kinh Nan-đà cũng nói như vậy.

**
*

KINH 1067. NAN-ĐÀ (2)¹⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Nan-đà con Di mẫu của Phật, thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bõn cợt, vừa đi vừa cười đùa. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nan-đà là con Di mẫu của Phật¹⁵, thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bõn cợt, vừa đi vừa cười đùa.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ông đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói Nan-đà rằng: ‘Đại Sư cho gọi ngươi.’”

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy đến nói với Nan-đà:

“Thế Tôn cho gọi ông.”

Nan-đà nghe xong liền đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Phật bảo Nan-đà:

¹⁴. Pāli, S. 21. 8. Nando. Biệt dịch, №100(5); Cf. №125(18.6).

¹⁵. Nan-đà Phật di mẫu tử 難陀佛姨母子. Pāli: Nando Bhagavato mātucchāputto.

“Có thật ngươi thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bõn cợt, vừa đi vừa cười đùa không?”

Nan-đà bạch Phật:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Nan-đà:

“Ngươi là con Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, không nên mặc y phục đẹp, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bõn cợt, vừa đi vừa cười đùa. Ngươi nên tự nghĩ như vầy: ‘Ta là con bà Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, nên trú ở a-lan-nhã, đi khất thực, mặc áo phẩn tảo, thường nên khen ngợi sự mặc áo phẩn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyến ái dục.’”

Sau khi vâng lời Phật dạy, Nan-đà trú ở a-lan-nhã, đi khất thực, mặc áo phẩn tảo, thường nên khen ngợi sự mặc áo phẩn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyến ái dục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nan-đà, Ta muốn ngươi,
Tu tập a-lan-nhã;
Đi khất thực từng nhà,
Thân mặc áo phẩn tảo.
Thích ở chỗ núi khe,
Không tham luyến ngũ dục!*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Nan-đà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1068. ĐÊ-SA¹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đê-sa¹⁷ tự nghĩ: “Ta là anh em con cô của Thế Tôn, nên không cần phải cung kính, không cần quan tâm cấp

¹⁶. Pāli, S.21.9. Tisso. Biệt dịch, N°100(7).

¹⁷. Đê-sa 低沙 . Pāli: āyasmā Tisso Bhagavato pitucchāputto, Tôn giả Tissa, con trai của Bá mẫu của Thế Tôn.

bậc, cũng cần phải sợ nỗi, không chịu để can gián.” Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đánh lỗ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đê-sa tự nghĩ mình là anh em con cô của Thế Tôn nên không cần cung kính, không cần quan tâm cấp bậc, cũng không cần sợ nỗi, không chịu để can gián.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo:

“Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Đê-sa nói rằng: ‘Đại Sư cho gọi ngươi.’”

Lúc ấy Tỳ-kheo kia vâng lời Phật dạy đến chỗ Tỳ-kheo Đê-sa nói:

“Thế Tôn cho gọi ông.”

Tỳ-kheo Đê-sa liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lỗ Phật và lui ngồi một bên. Phật bảo Đê-sa:

“Có thật ông nghĩ rằng: ‘Ta là anh em con cô của Thế Tôn nên không cần cung kính, không cần dè dặt, không phải sợ nỗi, không chịu để can gián’ chăng?” Tỳ-kheo Đê-sa bạch Phật:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Tỳ-kheo Đê-sa:

“Ông không nên nghĩ thế. Ông phải nghĩ rằng: ‘Ta là anh em con cô của Thế Tôn nên phải cung kính, sợ nỗi, nhẫn chịu sự can gián.’”

Lúc ấy Thế Tôn liền nói kệ:

*Lành thay, ngươi Đê-sa!
Lìa sân khuế là tốt;
Chớ sanh tâm sân hận.
Người sân giận không tốt.
Nếu hay lìa sân mạn,
Tu hành tâm khiêm hạ;
Sau đó ở nơi Ta,
Tu tập các phạm hạnh.*

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Đê-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1069. TỲ-XÁ-KHU¹⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Tỳ-xá-khu Bát-xà-lê Tử¹⁹ tụ họp ở nhà cúng dường²⁰, thuyết pháp cho số đông các Tỳ-kheo, ngôn từ hoàn hảo, giọng tốt trong trẻo cú vị rõ ràng, chính xác, lời nói phù hợp với trí tuệ; thính giả thích nghe, lời nói lưu loát, hiển bày ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo nhất tâm lắng nghe.

Khi ấy Thế Tôn đang nhập chánh thọ ban ngày²¹, với thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người thường, nghe tiếng thuyết pháp, Ngài xuất định, đi đến giảng đường, ngồi trước đại chúng và nói với Tỳ-kheo Tỳ-xá-khu Bát-xà-lê Tử:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-xá-khu! Ông có thể ở nơi nhà cúng dường này mà thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, với ngôn từ hoàn hảo, cho đến, hiển hiện ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo chuyên tinh, kính trọng. Ông hãy thường xuyên thuyết pháp như vậy cho các Tỳ-kheo, khiến các Tỳ-kheo chuyên tinh kính trọng, nhất tâm ưa nghe, sẽ được ích lợi lâu dài, sống an lạc.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Nếu không có thuyết pháp,
Khó phân rõ ngu, trí.
“Đây ngu! Đây trí tuệ!”
Không do đâu hiển hiện.
Khéo nói pháp tươi mát,
Nhân thuyết trí rõ ràng.
Thuyết pháp là sáng chiếu,
Sáng chói cờ Đại tiên.*

^{18.} Pāli, S. 21. 7. Visākho; Cf. A. 4. 48. Visākho. Biệt dịch, №100(8).

^{19.} Tỳ-xá-khu Bát-xà-lê Tử 麟舍佐般闍梨子. Pāli: Visākho pañcālaputto.

^{20.} Cúng dường đường 供養堂. Pāli: upatīhānasālā, giảng đường hay thị giả đường, hay nhà khách.

^{21.} Trú chánh thọ 畵正受. Đây chỉ sự nghỉ trưa. Bản Pāli: sāyanhasamayaṁ paṭisallāna.

Phật nói kinh này xong; Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử nghe những gì
Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui.

**
*

KINH 1070. NIÊN THIẾU²²

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhiều chúng Tỳ-kheo ở nhà cúng dường, tụ tập cùng nhau may y. Lúc đó có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào Pháp luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y.

Bấy giờ các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, ở nhà cúng dường, các Tỳ-kheo tụ tập may y. Có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào Pháp luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y.”

Bấy giờ Đức Phật hỏi vị Tỳ-kheo trẻ ấy:

“Có thật ông không muốn giúp đỡ các Tỳ-kheo may y chăng?”

Tỳ-kheo trẻ kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tùy theo khả năng của con mà con phụ giúp.”

Thế Tôn khi đó biết được tâm niệm của Tỳ-kheo trẻ tuổi, mới bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông chờ nói với²³ Tỳ-kheo trẻ này. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này được bốn pháp tăng tâm²⁴, đang hoàn toàn an trú trong hiện pháp lạc, chẳng phải do cố gắng mà được. Tỳ-kheo ấy theo bản tâm của mình, cao bở râu tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia học đạo, tăng tiến tu học, hiện pháp tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ:

²². Pāli, S. 21. 4. Navo. Biệt dịch, N°100(9).

²³. Pāli: mā ... etassa bhikkhuno ujjhāyittha, các ông chờ hiềm trách Tỳ-kheo này.

²⁴. Bốn pháp tăng tâm 四增心法 ; hay bốn tăng thượng tâm. Pāli: catunām jhānānam ābhicetasikānam, bốn thiền tăng thượng tâm.

*Kém nõ lực, đức mỏng,
 Trí tuệ ít: không thể
 Hướng thẳng đến Niết-bàn,
 Thoát khỏi gông phiền não.
 Hiền nhân trẻ tuổi này,
 Sớm được chở thương sĩ;
 Lìa dục tâm giải thoát,
 Niết-bàn dứt tái sanh.
 Giữ thân tối hậu này,
 Hàng phục các ma quân.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1071. TRƯỞNG LÃO²⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên Thượng Tọa²⁶, sống một mình tại một nơi, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, khất thực xong trở về một mình và một mình ngồi thiền tư.

Bấy giờ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo đi đến chở Phật, cúi đầu lạy, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có Tôn giả tên là Thượng Tọa sống một mình, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, khất thực xong trở về một mình và một mình ngồi thiền tư.”

Khi đó Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ông hãy đến chở Tỳ-kheo Thượng Tọa nói rằng: ‘Đại Sư cho gọi thầy.’”

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật dạy, đến nói lời như trên với Tỳ-kheo Thượng Tọa, Tỳ-kheo Thượng Tọa vâng lời đi đến chở Phật, cúi đầu lạy Phật, rồi lui ngồi một bên. Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

²⁵. Pāli, S. 21. 10. Theranāmo. Biệt dịch, №100(10).

²⁶. Danh viết Thượng Tọa 名 曰 上 座 . Pāli: Theranāmako.

“Ông có thật sống một mình nơi chỗ vắng, khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình chẳng?”

Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

“Này Tỳ-kheo, ông như thế nào sống một mình, khen ngợi người sống một mình, một mình đi khất thực, một mình trở về chỗ ở và một mình ngồi thiền tư?”

Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:

“Con chỉ ở một mình nơi vắng vẻ, khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình.”

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

“Ông là kẻ sống một mình, Ta không nói là chẳng phải sống một mình. Nhưng lại có lối sống một mình thắng diệu hơn. Sao gọi là lối sống một mình thắng diệu? Đó là Tỳ-kheo phía trước thì khô cằn, phía sau thì diệt tận, ở giữa thì không tham hỷ²⁷. Đó là Bà-la-môn tâm không còn do dự, đã xả ưu hối, lìa các hữu ái, đoạn các kết sử. Đây gọi là sống một mình không có lối sống nào thắng diệu hơn nữa.”

Khi ấy Phật nói kệ:

*Chiếu sáng khắp tất cả,
 Biết khắp các thế gian;
 Chẳng chấp tất cả pháp,
 Lìa hết tất cả ái.
 Người này sống an lạc,
 Ta nói là độc trú.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Thượng Tọa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ cáo từ.

**
*

²⁷. Pāli: yam atitam tam pahinam, yam anāgataṁ paṭinissatīham, paccuppannesu attabhāvapaṭilābheshu chandarāgo suppativinīto, cái gì đã qua thì đoạn tận, cái gì chưa đến khước từ, trong những lợi dưỡng cho bản thân thì khéo chế ngự tham dục.

KINH 1072. TĂNG-CA-LAM²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Tăng-ca-lam²⁹ du hành nhân gian ở Câu-tát-la, tới nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, trong vườn Cấp cô độc. Tỳ-kheo Tăng-ca-lam kia có vợ cũ đang ở trong nước Xá-vệ, nghe tin Tỳ-kheo Tăng-ca-lam du hành trong nhân gian từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ, trong rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Nghe vậy, liền mặc y phục đẹp, trang điểm hoa anh lạc, ôm con đi thẳng đến Kỳ-hoàn, đến trước phòng Tỳ-kheo Tăng-ca-lam.

Trong lúc Tôn giả Tăng-ca-lam ra khỏi phòng đi kinh hành ngoài đất trống, người vợ cũ kia tiến đến trước mặt Tôn giả và nói:

“Đứa bé này còn nhỏ quá, anh bỏ con thơ đi tu, ai sẽ nuôi dưỡng nó?”

Tỳ-kheo Tăng-ca-lam không nói chuyện với nàng. Người vợ ba lần nói như vậy, Tỳ-kheo cũng không nói gì. Người vợ lại nói:

“Tôi đã nói cho anh biết ba lần như vậy mà anh chẳng nói với tôi, chẳng ngó ngàng tới, bấy giờ tôi sẽ bỏ đứa bé này.”

Người vợ liền bỏ đứa nhỏ ngay đầu đường kinh hành mà đi và nói:

“Này Sa-môn, đây là con của ông! Ông hãy tự nuôi nấng. Nay tôi bỏ đi!”

Tôn giả Tăng-ca-lam cũng chẳng nhìn đến đứa bé. Người vợ ấy lại nói:

“Sa-môn này chẳng để ý gì đến đứa nhỏ. Chắc có lẽ ông đã được chổ khó được của bậc Tiên nhân. Lành thay! Sa-môn chắc hẳn đã được giải thoát.”

Thiếu phụ không toại nguyện đành ôm con đi.

Bấy giờ, Thế Tôn đang nhập chánh thọ ban ngày, với thiên nhĩ siêu việt hơn người thường, Ngài nghe được những lời của người vợ cũ của Tôn giả Tăng-ca-lam, liền nói kệ:

²⁸. Pāli, Cf. Ud. 1.8. Bodhi-vagga. Biệt dịch, №100(11).

²⁹. Tăng-ca-lam 僧迦藍. Pāli: Saṅgāmaji.

*Việc đến chẳng hoan hỷ,
Đi cũng chẳng lo buồn;
Với thế gian hòa hợp,
Giải thoát chẳng nhiễm trước.
Ta nói Tỳ-kheo kia,
Chân thật Bà-la-môn;
Việc đến chẳng hoan hỷ,
Đi cũng chẳng lo buồn.
Không nhiễm cũng không ưu,
Hai tâm đều vắng lặng;
Ta nói Tỳ-kheo này,
Là chân Bà-la-môn.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tăng-già-lam nghe những gì
Phật dạy, hoan hỷ làm lễ rồi đi.

**
*

KINH 1073. A-NAN³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng tự suy nghĩ: “Có ba thứ mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược chiều gió. Những gì là ba? Đó là mùi hương rễ cây, mùi hương thân cây và mùi hương của hoa. Hoặc lại có mùi hương nào bay theo chiều gió, cũng bay theo ngược gió, cũng bay vừa thuận gió ngược gió chẳng?”

Suy nghĩ như thế, buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ Phật và lui đứng một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tự nghĩ thầm: ‘Có ba thứ mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược gió. Những gì là ba? Đó là mùi hương rễ cây, mùi hương thân cây, mùi

³⁰. Quốc Dịch, “1. Tương ưng Tỳ-kheo, phẩm 2”. Pāli, A. 3. 79. Gandha. Biệt dịch, №100(12), №116, №117, №125(23.5).

hương của hoa. Hoặc có mùi hương nào bay theo chiều gió, cũng bay theo ngược gió, cũng bay vừa thuận gió vừa ngược gió chăng?”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Đúng thế! Đúng thế! Có ba loại mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược gió. Đó là hương thơm rễ cây, hương thơm của cây, hương thơm của hoa. Nay A-nan, cũng có mùi hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió. Nay A-nan, hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió, đó là: Có thiện nam tử hay người thiện nữ nào sống ở thành ấp, tụ lạc, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Người thiện nam, người thiện nữ như vậy đều được người lành trong tâm phương, cùng phuong trên, phuong dưới, thảy đều tán thán rằng: ‘Ở phuong kia, làng kia, có người thiện nam, người thiện nữ trì giới thanh tịnh, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh... cho đến không uống rượu.’ Nay A-nan, đây gọi là thứ hương hoa bay theo chiều gió, bay theo ngược chiều gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng phải hương cành, hoa,
Có thể bay ngược gió.
Chỉ có hương tịnh giới,
Của thiện nam, thiện nữ;
Ngược, thuận bay các phuong,
Không đâu không nghe biết.
Đa-ca-la³¹, Chiên-dàn,
Ưu-bát-la, Mạt-lợi;
So sánh các mùi hương,
Giới hương là hơn hết.
Hương thơm như Chiên-dàn,
Lan tỏa có giới hạn;
Chỉ có hương giới đức,
Xông ngát tận cõi trời.*

³¹. Đa-ca-la 多迦羅. Pāli: tagara, cây cam tùng, cách hương.

*Hương thơm của tịnh giới,
Chánh thọ, chẳng phóng dật;
Chánh trí và giải thoát,
Ma đạo không thể vào.
Đây là đạo an ổn,
Đạo này rất thanh tịnh;
Hương thẳng diệu thiền định,
Bứt dây trói của ma.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ rồi đi.

**
*

KINH 1074. BỆN TÓC³²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Ma-kiết-đề, cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo. Xưa kia họ là những người xuất gia bện tóc³³, nay đều đắc quả A-la-hán, các lậu đã tận, việc làm đã xong, xả bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, sạch các hữu kết, chánh trí thiện giải thoát. Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến tại rừng Trượng lâm, tháp Thiện kiến³⁴.

Bình-sa³⁵ vua nước Ma-kiết-đề, nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian tại nước Ma-kiết-đề, đến trong rừng Trượng lâm, tháp Thiện kiến. Vua cùng với các tiểu vương, quần thần và đoàn tùy tùng, xe cộ một muôn hai ngàn chiếc, ngựa một muôn tám ngàn, người đi bộ theo đông vô số, các Bà-la-môn, gia chủ trong nước Ma-kiết-đề đều đi theo.

Nhà vua rời khỏi thành Vương xá đi đến chỗ Thế Tôn, cung kính

³². Pāli, Cf. Luật tạng, Mv.1.22 (Seniya Bimbisāra). Biệt dịch, №100(13).

³³. Oanh phát xuất gia 紫髮出家. Pāli: jaṭila. Đây chỉ các anh em Uruvela-Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp) và các đệ tử của họ.

³⁴. Thiện kiến lập chi đê Trượng lâm 善建立支提杖林. Pāli: Laṭṭivane Suppaṭṭha-cetiya.

³⁵. Ma-kiết-đề vương Bình-sa 摩竭提王瓶沙. Pāli: rājā Magadho Seniyo Bimbisāro.

cúng đường. Tới đầu đường, vua xuống đi bộ. Lúc tiến vào đến cửa trong, vua dẹp bỏ năm thứ nghi trượng, giở māo, dẹp bỏ lọng, quạt, dao gươm, cởi giày da. Vua đến trước Phật, sửa lại y phục tề chỉnh, trật vai áo bên phải, đánh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, tự xưng danh tánh và bạch Phật:

“Thế Tôn, con là Bình-sa, vua nước Ma-kiệt-đề.”

Phật bảo Bình-sa vương:

“Đại vương, ngài là Bình-sa. Mời Đại vương an tọa.”

Bình-sa vương lại lễ dưới chân Phật, từ tốn ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ Uất-bề-la Ca-diếp³⁶ cũng đang ngồi tại đây. Trong khi đó các gia chủ Bà-la-môn nghĩ rằng: “Có phải Đại Sa-môn này theo Uất-bề-la Ca-diếp tu phạm hạnh hay là Uất-bề-la Ca-diếp theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh?”

Thế Tôn biết được tâm niệm của các gia chủ, Ngài liền nói kệ hỏi:

*Uất-bề-la Ca-diếp,
Nơi đây thấy lợi gì,
Bỏ sự phungthora xưa,
Thờ lửa và các việc?
Nay hãy nói nghĩa kia.
Nguyên do bỏ thờ lửa.*

Uất-bề-la Ca-diếp nói kệ bạch Phật:

*Tiền tài thức ăn ngon,
Nữ sắc, quả ngũ dục;
Quán sát vị lai tho,
Đều vô cùng nhơ nhớp.
Thế nên đều ném bỏ,
Sự thờ lửa trước kia.*

Thế Tôn lại nói kệ hỏi:

*Ông chẳng đắm thế gian,
Năm dục tiền, vị, sắc...;*

³⁶. Uất-bề-la Ca-diếp 鬻鞞羅迦葉. Pāli: Uruvela-Kassapa.

*Sao lại bỏ trời, người?
Ca-diếp, tùy nghĩa nói.*

Ca-diếp lại nói kệ đáp Thế Tôn:

*Thấy đạo lìa hữu dư,
Lối Vô dư tịch diệt,
Vô sở hữu, bất trước,
Không đường khác, đạo khác.
Thế nên đều ném bỏ,
Lối tu thờ lửa trước,
Đại hội³⁷ đều thọ trì,
Phụng thờ nước, hoặc lửa.
Ngu si chìm trong đó.
Chí cầu đạo giải thoát.
Mù, không mắt trí tuệ,
Hương sanh, già, bệnh, chết.
Chẳng thấy con đường chánh,
Trọn lìa nẻo sanh tử.
Nay mới nhờ Thế Tôn,
Được thấy đạo vô vi,
Lực mà Đại long nói,
Được qua bên bờ kia.
Mâu-ni rộng cứu giúp,
An úy vô lượng chúng,
Nay mới biết Cù-đàm,
Bậc siêu xuất chân đế.*

Đức Phật lại nói kệ khen Ca-diếp:

*Lành thay! Nay Ca-diếp,
Trước suy xét phi ác,
Kế phân biệt tìm cầu,
Mới đến nơi tốt đẹp.*

“Này Ca-diếp, ông nên có lòng an úy tâm đồ chúng của ông.”

³⁷. Đại hội, chỉ đại tế đàn.

Khi ấy Uất-bè-la Ca-diếp liền nhập chánh thọ, do sức thần túc, hướng về phương Đông, bay lên hư không; hiện ra bốn thứ thần biến: đi, đứng, nằm, ngồi. Vào trong lửa tam-muội, toàn thân rỗng sáng tỏa ra sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, sắc hồng. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, trở lại thiêu đốt thân. Trên thân ra nước để rưới nước lên thân. Hoặc trên thân ra lửa để đốt thân kia; dưới thân tuôn nước để tưới ướt thân. Hiện bày các thứ thần thông biến hóa xong, Ca-diếp cúi đầu lễ Phật và bạch:

“Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy của con, con là đệ tử.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ta là Thầy ông. Ông là đệ tử. Ông hãy bình an ngồi xuống đi.”

Tôn giả Uất-bè-la Ca-diếp ngồi lại chỗ cũ. Các gia chủ Bà-la-môn xứ Ma-kiệt-đề đều nghĩ thầm: “Uất-bè-la Ca-diếp đã quyết định ở nơi Đại Sa-môn tu hành phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, Bình-sa vua xứ Ma-kiệt-đề, cùng các gia chủ Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi cáo từ.

**
*

KINH 1075. ĐÀ-PHIÊU (1)³⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại thành Vương xá, trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, có Đà-phiêu Ma-la Tử³⁹, quê cũ ở thành Vương xá, lo việc Tăng chúng, phân chia thức ăn uống và các vật dụng: giường nằm, chỗ ngồi,... và xếp đặt phiên thứ, sai thỉnh rất chu đáo. Lúc đó, có Tỳ-kheo Từ Địa⁴⁰ trải qua ba lần nhận thức ăn thô dở. Trong khi ăn lòng cảm thấy khó chịu, cay đắng nghĩ thầm: “Quái lạ thay! Khổ thay! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử chắc cố tình đem thức ăn dở để là xúc não ta, khiến ta khi ăn cảm thấy cực khổ. Ta phải làm sao gây bất lợi cho y mới được?”

^{38.} Pāli, Cf., Luật tạng, Tiểu phẩm, Cv. 4. 4. 4. Biệt dịch, №100(14).

^{39.} Đà-phiêu Ma-la Tử 那毘摩羅子. Pāli: Dabba Mallaputta.

^{40.} Từ Địa 慈地. Pāli: Mettiya-bhummajaka.

Tỳ-kheo Từ Địa có một cô em gái là Tỳ-kheo-ni tên Mật-đa-la⁴¹ đang ở trong chung Tỳ-kheo-ni nơi vườn nhà vua thuộc thành Vương xá. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa, cúi đầu lạy chân Từ Địa rồi đứng một bên. Tỳ-kheo Từ Địa không nhìn đến cũng không mở lời.

Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la nói với Tỳ-kheo Từ Địa:

“A-lê⁴², vì sao không ngó ngàng và chẳng nói chuyện với tôi?”

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

“Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử nhiều lần đem thức ăn thô dở để làm xúc náo tôi, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ. Còn cô thì cứ bỏ mặc tôi.”

Tỳ-kheo-ni nói:

“Làm gì bây giờ?”

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

“Cô hãy đến Thế Tôn bạch như vậy: ‘Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử là kẻ phi pháp, không ra gì, đã cùng con làm điều trái phạm, phạm tội Ba-la-di’. Tôi sẽ làm chứng và nói: ‘Bạch Thế Tôn, đúng như lời em gái con đã nói’.”

Tỳ-kheo-ni nói:

“A-lê, làm sao tôi lại đem tội Ba-la-di để vu cáo cho Tỳ-kheo phạm hạnh?”

Tỳ-kheo Từ Địa bảo:

“Nếu cô không làm như thế, tôi và cô từ nay chấm dứt tình em. Cô đừng lui tới đây để chuyện trò, thăm hỏi nhau nữa.”

Tỳ-kheo-ni im lặng một hồi, suy nghĩ rồi nói:

“A-lê khiến tôi làm như thế, tôi sẽ vâng theo lời dạy.”

Tỳ-kheo Từ Địa bảo:

“Cô hãy đợi tôi đi đến Thế Tôn trước, cô sẽ đi theo sau.”

Tỳ-kheo Từ Địa đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi lui đứng một bên. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi theo sau, đảnh lễ Phật rồi lui ngồi một bên, bách Phật:

⁴¹. Mật-đa-la 蜜多羅 . Pāli: Mettiyā.

⁴². A-lê 阿梨 ; Ăn Thuận đọc là A-xà-lê (Pāli: ācariya), tức Hán dịch là Giáo thọ sư hay Quỹ phạm sư. Nhưng đây là phiên âm từ Skt. ariya (Pāli: ayya): “Thưa Ngài/ Thưa Đức Ông” từ xưng hô của người nhỏ đối với người lớn.

“Bạch Thế Tôn, một việc không đẹp thay! Thật phi lý thay⁴³! Đà-phiêu Ma-la Tử đã làm điều phi phạm hạnh với con, phạm tội Ba-la-di!”

Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch Phật:

“Như lời nói của em gái con, trước đây con đã biết.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử đang ở giữa đại chúng.

Khi ấy Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử:

“Ông có nghe lời nói này không?”

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch:

“Bạch Thế Tôn, con đã nghe.”

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử:

“Hôm nay ông như thế nào?”

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã biết! Như Thiện Thệ đã biết!”

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử:

“Ông nói như Thế Tôn đã biết, nay chẳng hợp thời. Bây giờ ông có nhớ thì nói nhớ, không nhớ thì nói không nhớ.”

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch:

“Con không tự nhớ.”

Trong lúc đó Tôn giả La-hầu-la đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không đẹp thay! Thật phi lý thay! Tỳ-kheo-ni này nói: ‘Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử cùng với con làm điều phi phạm hạnh’. Tỳ-kheo Từ Địa lại nói: ‘Bạch Thế Tôn, đúng thế! Trước đây con đã biết như em con đã nói.’”

Phật bảo La-hầu-la:

“Bây giờ, Ta hỏi La-hầu-la, tùy ý ngươi đáp lời Ta. Nếu Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đến nói với Ta rằng: ‘Thật không đẹp thay! Thật phi lý thay! La-hầu-la cùng con làm điều phi phạm hạnh, phạm tội Ba-la-di.’ Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch với Ta: ‘Thưa đúng như vậy, trước đây con đã biết, như lời em gái con nói.’ Người sẽ làm thế nào?”

La-hầu-la bạch Phật:

⁴³. Hán: bất thiện bất loại 不善不類, Pāli: nacchannam nappaṭṭūpam.

“Bạch Thế Tôn, nếu con nhớ con sẽ nói nhớ, nếu không nhớ sẽ nói không nhớ.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Này người ngu si, người còn nói được những lời này, huống chi Đà-phiêu Ma-la Tử là Tỳ-kheo thanh tịnh, có sao không nói được những lời như vậy?”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử, hãy để ức niệm⁴⁴. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, hãy diệt tránh bằng tự xác nhận⁴⁵. Với Tỳ-kheo Từ Địa, Tăng sê tích cực giáo giới can gián và khiển trách: ‘Ngươi thấy gì? Thấy ở đâu? Do nhân duyên gì đến để thấy?’”

Thế Tôn dạy như vậy xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng lên, vào phòng tọa thiền. Khi ấy các Tỳ-kheo để cho Tỳ-kheo Đà-phiêu tự ức niệm. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, cho pháp diệt tránh bằng tự nhận. Với Tỳ-kheo Từ Địa, Tăng tích cực giáo giới can gián và khiển trách: ‘Ngươi thấy gì? Thấy ở đâu? Do nhân duyên gì đến để thấy?’ Trong khi can ngăn như thế, Tỳ-kheo Từ Địa nói rằng: “Đà-phiêu Ma-la Tử không làm chuyện phi phạm hạnh; không phạm Ba-la-di. Đà-phiêu Ma-la Tử đã ba phen cho tôi thức ăn tệ, đáng sợ, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ, nên tôi đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử mà có sự thiện vị, giận hờn, ngu si, sợ hãi, nên cố ý nói như thế. Nhưng thật sự Đà-phiêu Ma-la Tử là người thanh tịnh, vô tội.”

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiền định ra, đến trước đại chúng trẩy tòa, ngồi xuống.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con đã cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử tự ức niệm. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la cho pháp diệt tránh bằng tự nhận. Với Tỳ-kheo Từ Địa thì tích cực giáo giới can gián. Tỳ-kheo ấy nói rằng: ‘Đà-phiêu Ma-la Tử thanh tịnh vô tội’.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vì sao ngu si, chỉ vì việc ăn uống, mà cố ý vọng ngữ?”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

⁴⁴. Luật Tỳ-kheo: đây chỉ pháp diệt tránh, bằng ức niệm tỳ-ni; Pāli: sati-vinayo.

⁴⁵. Luật Tỳ-kheo: chỉ pháp diệt tránh bằng tự ngôn trị; Pāli: paṭiññātakara.

*Nếu hay xả một pháp,
Biết mà cố vọng ngũ;
Chẳng kể gì đời sau,
Điều ác nào chẳng làm.
Thà ăn viên sắt nóng,
Như lửa than cháy hừng;
Không vì phạm giới cấm,
Ăn của thí cho Tăng.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1076. ĐÀ-PHIÊU (2)⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-la-dà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy Phật, rồi lui đứng một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con xin vào Bát-niết-bàn ở trước Phật.”

Thế Tôn im lặng, Tôn giả ba lần bạch như vậy. Phật bảo Đà-phiêu Ma-la Tử:

“Các pháp hành hữu vi đều như vậy cả.”

Khi ấy, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử liền ở trước Phật nhập tam-muội, bằng chánh thọ như vậy, hướng về phương Đông, Tôn giả bay lên hư không hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, nhập vào tam-muội lửa, dưới thân phát ra lửa, cả thân rỗng sáng; ánh sáng chiếu khắp các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng. Dưới thân ra lửa, trở lại thiêu thân. Trên thân ra nước rưới ướt trên thân. Hoặc trên thân ra lửa thiêu đốt thân, dưới thân ra nước rưới ướt trên thân. Khắp cả mươi phương hiện bày các sự biến hóa xong, Tôn giả liền ở trong hư không, trong thân phát ra lửa tự thiêu thân vào Vô dư Niết-bàn, tiêu tận, tịch diệt, khiến không còn sót một mảy bụi, ví như trong hư không thắp cây đèn, dầu, tim đều hết. Đà-phiêu Ma-la Tử ở trong hư

⁴⁶. Pāli, Cf. Ud. 8. 9. Pāṭalīgāmiya-vagga.

không đã nhập diệt, thân tâm đều bất hết cũng như thế.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Ví như đốt hòn sắt,
 Lửa bùng sáng rực rõ;
 Sức nóng dần dần tắt,
 Nào biết đi về đâu?
 Cũng thế, sự giải thoát,
 Vượt bùn lầy phiền não;
 Đã cắt đứt các dòng,
 Nào biết đi về đâu?
 Chóng đắc dấu bất động,
 Nhập Vô du Niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1077. GIẶC⁴⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nướcƯơng-cù-đa-la⁴⁸ du hành nhân gian. Khi đi qua trong rừng Đà-bà-xà-lê-ca⁴⁹, Ngài gặp những người chăn bò, người chăn dê, người nhặt củi, cỏ và các người làm việc khác. Họ trông thấy Thế Tôn đang đi trên đường, đều vội vàng bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chớ đi theo con đường này. Phía trước có tên cướpƯơng-cù-lợi-ma-la⁵⁰ chuyên môn khủng bố người.”

Đức Phật nói với các người này:

“Ta không sợ.”

Nói xong, Ngài cứ theo đường mà đi. Họ nói ba lần, Đức Phật vẫn cứ đi. Từ xa Phật trông thấyƯơng-cù-lợi-ma-la, tay cầm dao chạy

⁴⁷. Pāli, Cf. M. 86. Āṅgulimāla-sutta. Biệt dịch, №100(16). №125 (38.6).

⁴⁸. Ương-cù-đa-la 央瞿多羅. Bản Pāli, tại Savatthi.

⁴⁹. Đà-bà-xà-lê-ca 陀婆闍梨迦. Pāli: Dhavajālikā (?)

⁵⁰. Ương-cù-lợi-ma-la 央瞿利摩羅. Pāli: Āṅgulimāla.

thẳng đến. Thế Tôn dùng thần lực hiện thân đi từ từ khiến choƯơng-cù-lợi-ma-la chạy như bay cũng không kịp. Chạy theo đến mệt đuối,Ương-cù-lợi-ma-la từ xa nói với Thế Tôn:

“Đứng lại, đứng lại, chớ đi!”

Thế Tôn vừa đi vừa đáp:

“Ta luôn dừng. Người không tự dừng đó thôi.”

Lúc ấyƯơng-cù-lợi-ma-la nói kệ:

*Sa-môn vẫn ráo nhanh,
Lại nói ‘Ta luôn dừng.’
Nay tôi mệt, dừng nghỉ.
Sao nói ‘Người chẳng dừng’?*

Thế Tôn lại nói kệ đáp:

*Ương-cù-lợi-ma-la,
Ta nói Ta thường dừng:
Với tất cả chúng sanh,
Đã dừng mọi đao trượng.
Ông khủng bố chúng sanh,
Nghiệp ác không chịu dừng.
Với tất cả côn trùng,
Ta dứt dừng đao gậy.
Với côn trùng bé nhỏ,
Ông bức bách đe dọa;
Cố tạo nghiệp hung ác,
Trọn chẳng lúc nào thôi.
Ta đối tất cả thần⁵¹,
Dừng thôi mọi đao, trượng.
Ông đối với các thần,
Luôn làm khổ, bức bách.
Tạo tác ác nghiệp đen,
Đến nay không dừng nghỉ.
Ta dừng nơi pháp nghỉ,*

^{51.} Thần 神. Đoạn kệ này không có Pāli tương đương. Đây chắc là dịch từ bhūta, quỷ thần, cũng chỉ các loại thảo mộc.

*Tất cả không phóng dật.
Ông chẳng thấy Bốn đế,
Nên chẳng dùng buông lung.*

Ương-cù-lợi-ma-la nói kệ bạch Phật:

*Lâu mới thấy Mâu-ni,
Nên theo đường chạy đuổi;
Nay nghe lời vi diệu,
Sẽ bỏ điều ác xưa.
Nói ra như thế rồi,
Liền buông bỏ dao gậy;
Dập đầu dưới chân Phật,
Xin cho con xuất gia.
Phật đầy lòng từ bi,
Đại Tiên tràn thương xót;
Gọi Tỳ-kheo, thiện lai!
Xuất gia thọ cụ túc.*

Ương-cù-lợi-ma-la sau khi xuất gia, thường một mình ở chổ vắng, chuyên tâm tư duy lý do khiến thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không nhà, tinh tấn tu phạm hạnh, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Lúc ấy Ương-cù-lợi-ma-la đắc quả A-la-hán, giác ngộ, giải thoát, hỷ lạc, Tôn giả liền nói kệ:

*Vốn mang tên ‘Bất Hại’⁵²
Mà lại sát hại nhiều.
Nay được tên ‘Kiến Đế’,
Xa lìa sự tổn, sát.
Thân không giết, không hại,
Miệng ý cũng như thế;
Nên biết ‘chân bất sát’,
Chẳng bức bách chúng sanh.
Rửa sạch tay vẩy máu,*

⁵². Bất Hại 不害 . Pāli: Ahimsa, tên do cha mẹ đặt.

Gọi làƯơng ma-la;
 Trôi nổi giữa dòng sâu,
 Tam quy làm dừng bặt.
 Quy y Tam bảo xong,
 Xuất gia được cù túc;
 Thành tựu được tam minh,
 Điều Phật dạy đã làm.
 Chăn trâu, dùng gậy đánh,
 Nài voi, dùng móc sắt;
 Chẳng dùng đến gươm dao,
 Thật huấn luyện trời, người.
 Dao bén nhờ đá mài,
 Tên thắng nhờ lửa ấm;
 Chặt gậy nhờ búa rìu,
 Tự chế, nhờ trí tuệ.
 Nơi dòng đời ân ái,
 Chánh niệm mà vượt ra,
 Người tuổi trẻ xuất gia,
 Siêng tu lời Phật dạy;
 Sẽ soi sáng thế gian,
 Như mây tan trăng hiện.
 Người tuổi trẻ xuất gia,
 Siêng tu lời Phật dạy;
 Nơi dòng đời ân ái,
 Người trước kia phóng dật,
 Sau đó hay tự kiểm;
 Sẽ soi sáng thế gian,
 Như mây tan trăng hiện.
 Người trước kia phóng dật,
 Sau này hay tự kiểm;
 Chánh niệm mà siêu xuất.
 Nếu thoát các nghiệp ác,
 Chánh thiện hay khiến diệt;
 Sẽ soi sáng thế gian,
 Như mây tan trăng hiện.

*Trước người tạo nghiệp ác,
 Chánh niệm hay khiến diệt;
 Nơi dòng đời ân ái,
 Chánh niệm hay siêu xuất.
 Tôi đã làm nghiệp ác,
 Chắc hướng đến đường ác;
 Đã nhận lấy báo ác,
 Nợ trước vay đã trả.
 Nếu người oán ghét tôi,
 Được nghe Chánh pháp này;
 Được pháp nhẫn thanh tịnh,
 Tôi tu hạnh nhẫn nhục.
 Chẳng còn khởi tranh cãi,
 Nhờ ân lực của Phật;
 Tôi hiền lành, nhẫn nhục,
 Cũng thường khen ngợi nhẫn.
 Tùy thời được nghe pháp,
 Nghe rồi tu hành theo.*

Phật nói kinh này xong, Ương-cù-lợi-ma-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1078. TÁN-ĐÁO-TRA⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-la-dà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, lúc sáng sớm đi ra bên bờ sông Tháp-bổ⁵⁴, cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa. Tắm xong, lên bờ, khoác sơ một cái y đợi thân khô.

Khi ấy có một Thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Tháp-bổ, bảo Tỳ-kheo rằng:

“Ông trẻ tuổi xuất gia, tươi trắng, tóc đen, đang ở vào lứa tuổi tráng thịnh đẹp đẽ. Đáng nên hưởng thụ ngũ dục, trang nghiêm chuỗi

⁵³. Pāli, S.1. 20. Samiddhi. Biệt dịch, №100(17)

⁵⁴. Tháp-bổ hà 揭補河. Pāli: Tapodā, tên hồ lớn ngoại thành Vương xá.

ngọc, xức dầu thơm, đeo tràng hoa, tự vui sướng với năm dục. Nhưng sao bây giờ lại trái với người thân, quay lưng với thế tục, khiến họ phải khóc lóc biệt ly; cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà? Sao lại bỏ cái vui hiện tiền mà tìm cái lợi phi thời⁵⁵?"

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi không xả bỏ cái lạc hiện tại, để tìm cầu cái lạc phi thời. Thật sự chính tôi đang xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền."

Thiên tử hỏi Tỳ-kheo:

"Thế nào là xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền?"

Tỳ-kheo đáp:

"Như Thế Tôn nói, dục là phi thời⁵⁶, vị ngọt ít mà khổ nhiều; ít lợi nhiều nạn. Tôi nay trong các pháp hiện thực đã lìa sự thiêu đốt, chẳng đợi thời tiết, hay tự thông đạt, hiện tiền quán sát, duyên tự tâm mà tri giác⁵⁷. Nay Thiên tử, như thế gọi là xả bỏ cái lạc phi thời, được niềm lạc hiện tiền."

Thiên tử lại hỏi Tỳ-kheo:

"Điều mà Như Lai nói là thế nào, rằng dục là phi thời, ít vui, nhiều khổ? Điều mà Như Lai nói là thế nào, rằng lợi lạc trong đời hiện tại,... *cho đến, tự giác tri?*"

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi trẻ tuổi xuất gia, không thể nói rõ hết ý nghĩa Chánh pháp luật của Như Lai. Thế Tôn đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà gần đây. Ngài có thể đến hỏi Thế Tôn điều nghi ngờ. Thế Tôn sẽ nói, tùy sự ghi nhớ mà lãnh thọ."

Thiên tử lại nói:

"Này Tỳ-kheo, nơi chỗ Như Lai đang có nhiều chư Thiên oai lực

⁵⁵. Pāli: mā sandīṭṭhikam hitvā kālikam anudhāvīti, chớ xả bỏ cái hiện thực, mà chạy theo cái lệ thuộc thời gian. Chỉ sự tu tập đòi hỏi nhiều thời gian. Bản Hán đọc akālika, do tách âm cuối của từ đi trước, hitvā = ā+a.

⁵⁶. Pāli: kālikā hi āvuso kāmā, dục vọng vốn lệ thuộc thời gian.

⁵⁷. Pāli: sandīṭṭhiko ayam dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattam vedītabbo viññūhīti, Pháp này (của Phật) là hiện thực (được thấy ngay hiện tại), không lệ thuộc thời gian, hãy đến để thấy (là pháp thực chứng), có khả năng hướng dẫn (đến Niết-bàn), được chứng biết từ nội tâm bởi kẻ Trí'.

vây quanh. Tôi trước chưa hỏi, không dẽ gì đến được. Tỳ-kheo, nếu có thể vì tôi bạch trước Thế Tôn, tôi sẽ đi theo.”

Tỳ-kheo đáp:

“Tôi sẽ vì ngài đi đây.”

Thiên tử thưa với Tỳ-kheo:

“Vâng, Tôn giả đi, tôi đi theo sau Tôn giả.”

Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy Phật, lui đứng một bên; tường thuật lại đầy đủ cuộc vấn đáp với Thiên tử cho Thế Tôn nghe và bạch:

“Bạch Thế Tôn, vị Thiên tử này nếu là người thành thật chốc lát sẽ đến, nếu không thành thật sẽ không đến.”

Lúc ấy vị Thiên tử kia từ xa nói vọng lại với Tỳ-kheo:

“Tôi đã ở đây. Tôi đã ở đây.”

Bây giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Chúng sanh theo ái tưởng⁵⁸,
Do ái tưởng mà trụ.
Vì chẳng biết rõ ái,
Nên thần chết tùy tiện⁵⁹.*

Phật bảo Thiên tử:

“Ông giải thích bài kệ này rồi mới có thể hỏi.”

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiên Thê, con không hiểu.”

Đức Phật nói kệ và bảo Thiên tử:

*Nếu biết ái được yêu,
Ở đó không sanh yêu.
Người không có sự này,
Người khác không thể nói⁶⁰.*

^{58.} Ái tưởng 愛想 . Pāli: akkheyyasaññino sattā, chúng sanh có tưởng về danh (tên gọi người và vật).

^{59.} Pāli: akkheyyam apariññāya, yogamāyanti maccuno, do không biết rõ danh nên bị Tử thần trói đi.

^{60.} Pāli: akkheyyañca pariññāya, akkhātāram na maññati; tañca tassa na hoti, yena nam vajjā na tassa atthi, do biết rõ cái bị gọi tên, nó không suy tưởng đến tên gọi. Ai không có điều này, người đó không có lầm lỗi.

Phật bảo Thiên tử:

“Ông hiểu nghĩa này rồi có thể hỏi câu khác.”

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiện Thệ, con không hiểu.”

Đức Phật lại nói kệ:

*Ai thấy: bằng, hơn, kém,
Ất có ngôn luận sanh.*

*Ba việc chẳng khuynh động:
Không yếu mèn, trung, thượng⁶¹.*

Phật bảo Thiên tử:

“Hiểu được nghĩa này thì có thể hỏi.”

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiện Thệ, con không hiểu.”

Đức Phật lại nói kệ:

*Đoạn ái và danh sắc,
Trù mạn, không ràng buộc;
Tịch diệt, dừng sân nhuế,
Lià kết, bất dục vọng.
Chẳng thấy nơi trời, người,
Đời này và đời khác.*

Phật bảo Thiên tử:

“Ông hiểu nghĩa này rồi mới nên hỏi.”

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Thưa Thiện Thệ, con đã hiểu.”

Đức Phật nói kinh này xong, Thiên tử nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ biến mất.

**
*

^{61.} Pāli: tisū vidhāsu avikampamāno, samo visesī ti na tassa hoti, ai không dao động trong ba sự này, người đó không có ý nghĩ hơn, kém.

KINH 1079. BẠT-CHẨN⁶²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia⁶³ cuối đêm đến bên bờ sông Tháp-bổ, cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa, tắm xong lên bờ khoác sơ một cái y đợi thân khô. Khi ấy có một Thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Tháp-bổ, bảo Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Đây là gò mả⁶⁴, ban đêm bốc khói, ban ngày bốc lửa. Người Bà-la-môn kia thấy vậy, nói rằng: ‘Hãy phá cái gò mả này đi. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.’

“Lại thấy con rùa lớn⁶⁵. Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi con rùa này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.’

“Lại thấy có cái cù lâu⁶⁶, Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi cái cù lâu này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.’

“Lại thấy có miếng thịt⁶⁷. Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi miếng thịt này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.’

“Lại thấy chỗ giết chóc⁶⁸. ‘Trừ đi chỗ giết chóc này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.’

“Lại thấy cái lăng-kỳ⁶⁹, Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi cái lăng-kỳ này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.’

“Lại thấy có hai đường. Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi hai đường này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.’

“Lại thấy có một cánh cửa. Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi cánh cửa này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.’

^{62.} Pāli, Cf. M. 23. Vammīka. Biệt dịch, №100(18), №125(39.9).

^{63.} Pāli: Tôn giả Kumārakassapa, sống trong rừng Andhavana (Ám lâm).

^{64.} Hán: khâu trũng 丘塚. Pāli: vammīka, ổ kiến hay gò mối.

^{65.} Bản Pāli, đào lần đầu, thấy cái then cửa (laṅgi).

^{66.} Cù lâu 鱼巢. Không hiểu ý. Pāli, đào lên lần thứ hai: uddhumāyika, thây sinh (hay con nhái).

^{67.} Nhục đoạn 肉段. Pāli, lần thứ ba: dvīdhāpatha, hai con đường.

^{68.} Đồ sát xứ 屠殺處. Pāli, lần thứ tư: caṅgavāraṁ, chiếc thuyền (khúc gỗ được moi ruột).

^{69.} Lăng-kỳ 棂耆. Pāli: laṅgi, cái then cửa. Bản Pāli, lần thứ năm: kummo, con rùa.

“Lại thấy có con rồng lớn⁷⁰. Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Đừng lại, chớ bỏ qua con rồng to. Phải nén cung kính.’

“Này Tỳ-kheo, ông hãy đem luận này đến hỏi Thế Tôn. Như lời Phật dạy, ông theo đó thọ trì. Vì sao? Vì trừ Như Lai ra, tôi không thấy ai trong thế gian này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa môn, Bà-la-môn nào, mà đối với luận này có tâm ưa thích. Trừ các đệ tử, hay những người nghe từ tôi rồi nói lại.”

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo sau khi nghe luận này từ Thiên tử ấy, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy Phật, rồi lui ngồi một bên. Tỳ-kheo đem các luận của Thiên tử kia hỏi Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là gò mả? Thế nào là đêm bốc khói? Thế nào là ngày lửa cháy? Thế nào là Bà-la-môn? Thế nào là đào lên? Thế nào là người trí? Thế nào là gươm đao? Thế nào là con rùa lớn? Thế nào là cù lâu? Thế nào là miếng thịt? Thế nào là chỗ giết chóc? Thế nào là lăng-kỳ? Thế nào là hai đường? Thế nào là cánh cửa? Thế nào là con rồng lớn?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Gò mả là cái thân sắc gồm sắc đại thô phù của chúng sanh, bẩm thọ di thể của cha mẹ, ăn uống, y phục che chở, tắm rửa trau chuốt, nuôi dưỡng. Tất cả đều là pháp biến hoại, ma diệt. Ban đêm bốc khói nghĩa là giữa đêm có người thức dậy tùy giác tùy quán⁷¹. Ban ngày lửa cháy nghĩa là thực hành theo lời dạy tạo các nghiệp thân, miệng⁷². Bà-la-môn nghĩa là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Đào lên, nghĩa là nỗ lực tinh tấn. Người trí nghĩa là đa văn Thánh đệ tử. Gươm đao là gươm đao trí tuệ. Con rùa lớn nghĩa là năm cái⁷³. Cù lâu⁷⁴ nghĩa là phẫn hận. Khúc thịt là bốn xển tật đố. Giết chóc nghĩa là công năng năm dục⁷⁵. Lăng-kỳ nghĩa là vô minh. Hai đường là nghi hoặc. Cánh cửa là

⁷⁰. Đại long 大龍. Pāli: nāga, con rắn hổ mang.

⁷¹. Tùy giác tùy quán 隨覺隨觀. Pāli: anuvitakketi anuvicāreti, suy tầm, suy tưởng.

⁷². Pāli: rattīm anuvitakketvā anuvicāretvā divā kammante payojeti kāyena vācāya, sau khi ban đêm suy tầm, suy tưởng, ban ngày thực hiện công việc bằng thân hay miệng.

⁷³. Tức năm triển cái. Bản Pāli, con rùa, chỉ cho năm thủ uẩn.

⁷⁴. Bản Pāli: uddhumāyika.

⁷⁵. Bản Pāli: asisūnā.

ngã mạn. Con rồng to là bậc Lậu tận A-la-hán.

“Như vậy, nay Tỳ-kheo, những gì Đại Sư cần làm cho đệ tử, do thương yêu, nghĩ tưởng đến, vì lợi ích mà an ủi. Đối với ông, việc Ta đã làm rồi. Các ông nên làm những việc cần làm. Hãy ở chỗ vắng trong rừng, trong nhà trống, chỗ núi non, nơi hẻo lánh, trong hang núi v.v... trải cỏ hoặc lá cây để ngồi, tư duy thiền định, không khởi buông lung, chờ để sau này phải hối tiếc. Đó là giáo huấn của Ta.”

Phật liền nói kệ:

*Nói thân là gò mả,
Giác, quán đêm bốc khói;
Nghiệp là lửa ban ngày.
Bà-la-môn: Chánh giác.
Tinh tấn: chăm khai quật,
Người trí tuệ sáng suốt,
Dùng gươm bén trí tuệ.
Bậc thăng tiến, chán lìa.
Năm cái là rùa to,
Phẫn hận là cù lâu;
Xan tật là khúc thịt,
Năm dục, nơi giết chóc.
Vô minh là lăng-kỳ,
Nghi hoặc là hai đường;
Cánh cửa hiện ngã mạn,
Rồng, La-hán lậu tận.
Cứu cánh dứt các luận,
Nên Ta nói như vậy.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1080. TÀM QUÝ⁷⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành

⁷⁶. Biệt dịch, №100(19).

Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy có một Tỳ-kheo khác vì không trụ tâm, tâm tán loạn, không gìn giữ các căn. Tỳ-kheo kia sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực, từ xa trông thấy Thế Tôn vội thu nhiếp các căn nhìn thẳng mà đi. Thế Tôn nhìn thấy Tỳ-kheo kia nhiếp trì các căn, nhìn thẳng rảo bước đi, thấy rồi. Phật vào thành. Khất thực xong, Ngài trở về tịnh xá cất y, bát, rửa chân xong, vào phòng tọa thiền.

Chiều hôm ấy, sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Sáng nay Ta đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực thấy có một vị Tỳ-kheo vì không trụ tâm nên tâm tán loạn, các căn buông thả, cũng đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Tỳ-kheo ấy từ xa thoáng trông thấy Ta liền vội vàng tự nhiếp trì, đây là ai vậy?”

Khi ấy vị Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đến trước Phật, trật vai áo bên hữu, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con sáng sớm vào thành khất thực tâm tán loạn, không thu nhiếp các căn, con đang đi thoáng thấy Thế Tôn từ xa, con liền tự thúc liễm tâm, nhiếp trì các căn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Ông thấy Ta rồi, có thể tự thúc liễm tâm và nhiếp trì các căn. Nay Tỳ-kheo, pháp này phải nêu như vậy. Nếu thấy Tỳ-kheo cũng nên tự nhiếp trì. Nếu lại thấy Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng nên nhiếp trì các căn như vậy sẽ được lợi ích, an ổn, khoái lạc, lâu dài.”

Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo khác nói kệ khen ngợi:

*Với tâm kia mê loạn,
Không chuyên trụ hệ niệm;
Sáng sớm mang y bát,
Vào thành ấp khất thực.
Đọc đường thấy Đại Sư,
Đầy oai đức, dung nghi;
Vui mừng sanh tài quý,
Liền nhiếp trì các căn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



TẠP A HÀM QUYỂN 39

KINH 1081. KHỔ CHÚNG¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Lộc dã, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy, cũng có Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành khất thực, đứng dưới gốc cây bên đường, vì nương vào ác tham² nên sanh giác tưởng bất thiện³. Thế Tôn thấy Tỳ-kheo đứng dưới bóng cây, sống bằng vị ác tham nên sanh giác tưởng bất thiện, bảo rằng:

“Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đắng⁴, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được.”

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: “Thế Tôn đã biết được niệm ác trong tâm ta.” Chợt lòng cảm thấy sợ hãi, toàn thân lóng dựng đứng.

Bấy giờ, sau khi Thế Tôn vào thành khất thực, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi vào phòng tọa thiền. Chiều hôm ấy, từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

“Sáng nay, Ta đắp y, ôm bát vào thành khất thực, thấy một Tỳ-kheo đứng dưới bóng cây, nương vào ác tham dục, phát sanh giác tưởng bất thiện. Khi Ta thấy vậy liền bảo rằng: ‘Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi

¹. Đại Chánh, quyển 39. Quốc Dịch, quyển 33. “Tụng vii. Kệ.1. Tương ưng Tỳ-kheo” tiếp theo Pāli, A.3.126 Kaṭuviya. Biệt dịch, №100 (20).

². Hán: y ác tham thị 依惡貪嗜. Pāli: rittassādaṇa bāhirassādaṇa, vị trống không, vị ngoại giới.

³. Pāli: muṭṭhassatiṇ asampajnaṇ asamāhitam vibbhantacittam pākantindriyam, mất chánh niệm, không tĩnh giác, không tập trung, tâm loạn động, các căn phóng túng.

⁴. Pāli: mā... attānam kaṭuviyam akāsi, đừng làm tự ngã hư thối.

thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được.' Lúc đó, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ: 'Phật đã biết được niệm của ta.' Lòng cảm thấy hổ thẹn, sợ hãi đến nỗi lóng dựng cả lên, rồi theo đường mà đi."

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày áo vai bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là hạt giống đắng? Thế nào là sanh hôi thối? Thế nào là nước rỉ chảy? Thế nào là ruồi nhặng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phẫn nộ, phiền oán gọi là hạt giống đắng. Công đức ngũ dục gọi là sanh hôi thối. Đối với lục xúc nhập xứ không nghiệp luật nghi gọi là chất nước rỉ chảy. Và khi đã không nghiệp xúc nhập xứ, thì các tâm ác bất thiện, tham ưu tranh nhau sanh ra, đó gọi là ruồi nhặng⁵."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tai mắt không phòng hộ,
 Tham dục theo đó sanh;
 Đó gọi là giống đắng,
 Hôi thối, nước rỉ chảy.
 Khí vị các giác quán,
 Do ném ác tham dục.
 Nơi xóm làng, chỗ vắng,
 Đối với ngày hoặc đêm,
 Viễn ly, tu phạm hạnh,
 Cứu cánh biên tế khổ.
 Nếu nội tâm tịch tĩnh,
 Quyết định biết chân thật.
 Thức ngu thường an lạc,
 Ruồi nhặng bị tận diệt.
 Thân cận bậc Chánh sĩ,
 Khéo nói đường Hiền thánh;
 Biết rõ bát Chánh đạo,
 Không tái sanh thân sau.*

^{5.} Pāli: abhijjhā... kaṭuvuyaṁ vyāpādo āmagadho pāpakā ḥkusalā vitakkā makkhikā, tham là thối nát, sân là mùi hôi thối, tâm cầu ác bất thiện là ruồi nhặng.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1082. UNG NHỢT⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong Thế Tôn trở về tịnh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà tọa thiền.

Khi ấy có một Tỳ-kheo cũng sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tịnh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà nhập chánh thọ ban ngày⁷, dưới một bóng cây. Khi Tỳ-kheo này nhập chánh thọ ban ngày, vì nương vào tâm nếm vị tham dục nên khởi lên giác tưởng bất thiện. Khi ấy có Thiên thần đang ở tại rừng An-đà tự nghĩ: “Tỳ-kheo này, thật không tốt đẹp, không thích hợp, ngồi thiền ở trong rừng An-đà mà tâm nếm vị ác tham, khởi lên giác tưởng bất thiện. Ta nên đến quở trách.” Nghĩ xong liền nói với Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo! Tỳ-kheo, đang nỗi nhọt, bướu phải không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Sẽ trị cho khỏi.”

Thiên thần bảo Tỳ-kheo:

“Bệnh ung nhọt như cái vạc sắt, làm sao có thể bình phục được?”

Tỳ-kheo bảo:

“Chánh niệm, chánh trí đủ có thể bình phục.”

Thiên thần bạch rằng:

“Tốt thay! Hay thay! Đó là cách trị bệnh nhọt chân thật của Hiền thánh. Trị bệnh nhọt như vậy, cuối cùng có thể bớt, mà không bao giờ phát tác nữa.”

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiền tịnh dậy, trở về vườn Cấp cô

⁶. Pāli, không thấy tương đương. Biệt dịch, N°100(21).

⁷. Tức nghỉ trưa.

độc, rừng cây Kỳ-đà, vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

“Sáng sớm nay Ta đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, khất thực xong trở về rừng An-đà tọa thiền, nhập chánh thọ ban ngày. Có một Tỳ-kheo cũng sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà nhập chánh thọ ban ngày, dưới một bóng cây. Khi Tỳ-kheo này nhập chánh thọ ban ngày, vì nương vào tâm nếm vị tham dục nên khởi lên giác tưởng ác bất thiện. Khi ấy có thiên thần đang ở tại rừng An-đà tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo này, thật không tốt đẹp, không thích hợp, ngồi thiền ở trong rừng An-đà mà tâm nếm vị ác tham, khởi lên giác tưởng bất thiện. Ta nên đến quở trách.’” Nghĩ xong liền nói với Tỳ-kheo: ‘Tỳ-kheo! Tỳ-kheo, đang nổi nhọt, bướu phải không?’ Nói đầy đủ như trên... cho đến như vậy Tỳ-kheo: ‘Tốt thay! Hay thay! Đó là cách trị bệnh nhọt chân thật của Hiền thánh.’”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Con người⁸ nổi nhọt, bướu,
Tự sanh ra bệnh khổ;
Mong cầu dục thế gian,
Tâm nương vào ác tham.

Vì sanh ra nhọt bướu,
Ruồi nhặng tranh nhau đến.
Nhọt, bướu là tham cầu,
Ruồi nhặng là ác giác,
Cùng các tâm tham nếm,
Thảy đều từ ý sanh;
Đục khoét tâm con người,
Để cầu hoa danh lợi.

Lửa dục càng hùng hực,
Vọng tưởng giác bất thiện;
Thân tâm ngày đêm suy.
Xa lìa đạo tịch tĩnh,
Nếu nội tâm vắng lặng,*

^{8.} Nguyên Hán: Sĩ phu 士夫.

*Trí quyết định sáng suốt;
Không còn nhợt bướu kia,
Thấy Phật, đường an ổn,
Vết tích Chánh sĩ theo,
Hiền thánh khéo tuyên nói,
Con đường trí sáng biết,
Không còn thọ các hưu.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1083. ĂN CỦ RẼ⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi giảng đường Trùm các, bên ao Di-hầu, tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ sáng sớm, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Khi đó, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, xuất gia chưa bao lâu, không rành Pháp luật, nên lúc khất thực không biết thứ tự trước sau; các Tỳ-kheo khác thấy vậy nói với vị ấy:

“Thầy tuổi còn trẻ, mới xuất gia, chưa biết Pháp luật: không được đi vượt qua, không được đi ngang hàng. Đi khất thực mà trước sau không theo thứ tự, trường kỳ sẽ chịu khổ, không bao giờ được lợi ích.”

Tỳ-kheo tuổi trẻ thưa:

“Các Thượng tọa cũng vượt thứ lớp, không theo trước sau, đâu phải chỉ một mình tôi.”

Đã ba lần như vậy, vẫn không thể làm cho vị ấy dừng lại. Các Tỳ-kheo đi khất thực xong, trở về tịnh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật đánh lỗ dưới chân Phật, ngồi lui ra một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con đắp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia nơi Pháp luật này chưa bao lâu, khi đi khất thực không theo thứ tự trước sau, lại đi ngang hàng. Các Tỳ-kheo đã ba lần can gián nhưng vẫn không chịu,

⁹. Pāli, S. 20. 9. Nāgo. Biệt dịch, №100(22).

mà nói rằng: ‘Các Thượng tọa cũng không có thứ tự sao lại rầy tôi?’ Các Tỳ-kheo chúng con đã ba lần răn nhắc, vẫn không chịu nghe nên đến bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì thương xót mà dẹp trừ điều phi pháp.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Như trong đầm không, có hồ nước lớn, có một long tượng¹⁰ to ở trong đó, nhổ những củ rễ, rửa sạch bùn đất sau đó ăn chúng. Ăn rồi thì thân thể mập mạp, sung sức và đầy hạnh phúc. Vì lý do này nên luôn sống lạc sướng. Có một con voi thuộc chủng tộc khác¹¹, hình thể gầy yếu, bắt chước long tượng kia, nhổ củ rễ, nhưng rửa không sạch, còn để lẩn bùn đất mà ăn. Ăn vào không tiêu, thân thể không mập mạp mà trở thành gầy yếu, vì vậy dẫn đến chõ chết, hoặc khổ gần chết.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo tôn túc, đức độ, học đạo lâu ngày, không ưa thích đùa giỡn, tu phạm hạnh đã lâu, được Đại Sư khen ngợi; cũng được các vị tu phạm hạnh trí khác lại càng khen ngợi hơn. Các Tỳ-kheo này nương nơi thành ấp, làng xóm; sáng sớm đắp y, ôm bát đi khất thực, khéo giữ gìn thân miệng, khéo nghiệp các căn, chuyên tâm cột niệm, có thể khiến người nào không tin phát lòng tin, người đã có lòng tin sẽ không biến đổi. Khi được tài lợi, y phục, đồ ăn, thức uống, giường nằm, thuốc men; vì ấy không nhiễm, không đắm, không tham, không ham, không mê, không theo đuổi; mà thấy được lối lầm, tai hại, thấy sự xuất ly chúng, sau đó mới dùng. Ăn xong, thân tâm đều được vẻ an lạc, sắc được tươi, sức được khỏe. Vì nhân duyên này Tỳ-kheo luôn luôn được an lạc.

“Tỳ-kheo tuổi trẻ kia xuất gia chưa được bao lâu, chưa quen rành Pháp luật, y theo các bậc Trưởng lão, nương vào nơi làng xóm. Khi đắp y, ôm bát vào thôn khất thực, mà không khéo hộ thân, không giữ gìn các căn, không chuyên cột niệm, không thể khiến cho người chưa tin phát lòng tin và người đã tin không thay đổi. Nếu được tài lợi, y phục, đồ ăn, thức uống, ngọt cụ, thuốc men; mà sanh nhiễm, đắm, tham lam, đeo đuổi, không thấy lối lầm, tai hại, không thấy sự thoát ly, vì tâm

¹⁰. Long tượng 龍 象 . Pāli: nāga, số nhiều.

¹¹. Pāli: taruṇā bhivikacchāpā, những con voi nhỏ.

tham nếm thức ăn này, nên không thể làm cho thân lạc tươi, an ổn, sung sướng được. Vì ăn như vậy nên chuyển đến cái chết, hoặc khổ giống như chết. Nói là chết có nghĩa là xả giới, hoàn tục, mất Chánh pháp, Chánh luật. Khổ giống như chết nghĩa là phạm Chánh pháp luật, không biết tội tướng, không biết trừ tội.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Long tượng nhổ rễ sen,
Nước rửa sạch rồi ăn,
Voi giống khác bắt chước,
Ăn rễ dính lẩn bùn.
Vì ăn nhầm bùn đất,
Gây yếu bệnh đến chết.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1084. TRƯỜNG THỌ¹²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giữa bãi tha ma trong rừng Lạnh¹³, thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Mệnh sống rất ngắn, chỉ thoảng đã trở thành đời sau. Hãy nên siêng tu tập pháp thiện, tu các phạm hạnh. Không có gì sanh mà không chết. Nhưng người thế gian không siêng năng, nỗ lực chuyên tu pháp thiện, tu hiền, tu nghĩa.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đang trú giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh, thành Vương xá, vì các Thanh văn nói pháp như vậy. Mệnh sống con người rất ngắn,... cho đến không tu hiền, tu nghĩa. Nay ta nên đến làm nhiễu loạn.’

^{12.} Quốc Dịch, “Tụng vii. Kệ. 2. Tương ưng Ma” gồm hai phẩm, hai mươi mốt kinh. Án Thuận, “Tụng viii. Tám chúng. 18. Tương ưng Ma” hai mươi kinh, Đại Chánh, 1084-1103. Quốc Dịch, phẩm 1, mươi một kinh. Pāli, S. 4.9. Āyu (1). Biệt dịch, №100(23).

^{13.} Hàn lâm 寒林. Pāli: Sītavana, khu rừng ở gần thành Rājagaha.

Ma Ba-tuần liền hóa thành một thiếu niên đến trước Phật, mà nói kệ:

*Thường bức bách chúng sanh,
Được sống lâu cõi người.¹⁴
Mê say tâm phóng dật,
Cũng không đến chỗ chết.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Đây là ác ma đến làm náo loạn.’ Liền nói kệ:

*Thường bức bách chúng sanh,
Mạng sống thật ngắn ngủi;
Nên tinh tấn cần tu,
Như cứu lửa cháy dầu.
Chớ lười dù chốc lát,
Khiến ma chết chợt đến.
Biết người là ác ma,
Mau đi khỏi nơi đây.*

Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta.’ Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

**

KINH 1085. THỌ MẠNG¹⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh, tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hành là vô thường, tất cả hành không thường hằng, bất an, là pháp biến dịch, không nghỉ ngơi¹⁶,... cho đến hãy định chỉ tất cả hành hữu vi, yểm ly, không ưa thích, giải thoát.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-dàm đang trú trong rừng Lạnh, tại thành Vương xá, vì các Thanh văn nói pháp như

^{14.} Pāli: dīghamāyu manussānam, na nam hiye suporiso, tuổi thọ con người rất dài; người khôn ngoan không xem khinh điều này.

^{15.} Pāli, S. 4.10. Āyu (2). Biệt dịch, №100(24).

^{16.} Tô tức 鮫息. Pāli: assāsaka, có hơi thở điều hòa, an tâm.

vầy: ‘Tất cả hành là vô thường, không thường hằng, bất an, là pháp biến dịch, không nghỉ ngơi... cho đến nêu đình chỉ tất cả hữu vi, yểm ly, không ưa thích, giải thoát.’ Ta sẽ đến đó làm nhiễu loạn.” Liên hóa ra một thiếu niên đi đến chỗ Phật, đứng trước Phật mà nói kệ:

*Mạng sống trôi ngày đêm,
Không lúc nào cùng tận.¹⁷
Mạng sống đến rồi đi,
Giống như bánh xe lăn.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Đó là ác ma muốn làm nhiễu loạn.’ Liên nói kệ:

*Ngày đêm luôn đổi dời,
Mạng cũng theo đó giảm.
Mạng người tạm tiêu mất,
Giống như dòng nước nhỏ.
Ta biết người ác ma,
Hãy tự tiêu mất đi.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Liên hổ thẹn, lo buồn biến mất.

**
*

KINH 1086. MA TRÓI¹⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng ngồi ngay thẳng, chuyên tâm cột niệm.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng ngồi ngay

¹⁷. Pāli: nācca yanti aho rattā jīvitam nūparujjhati, ngày đêm không đi qua, mạng sống không giảm thiểu.

¹⁸. Pāli, S. 4.15. Mānasa. Biệt dịch, N°100(25).

thẳng, chuyên tâm cột niệm thiền tư. Bây giờ, ta sẽ đến làm nhiễu loạn.' Liền hóa ra một thiếu niên đứng trước Phật nói kệ:

*Tâm ta ở giữa không,
Cầm dây dài buông xuống.¹⁹
Nhầm muốn trói Sa-môn,
Khiến người không thoát được.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

*Ta nói, ở thế gian,
Năm dục, ý thứ sáu;
Đối chúng đã lìa hẳn,
Tất cả khổ đã dứt.
Ta đã lìa dục kia,
Tâm ý thức cũng diệt.
Ba-tuần, Ta biết ngươi,
Mau đi khỏi nơi đây.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

**

KINH 1087. NGỦ NGHĨ²⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, nằm nghiêng bên phải, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-dàm đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá... cho đến nghĩ tưởng đến thức. Bây giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.' Liền hóa thành một thiếu niên đứng trước mặt Phật mà nói kệ:

^{19.} Pāli: antalikkhacaro pāso, yoyam carati mānaso, tâm ý này dong ruồi, như sợi dây thông giữa hư không.

^{20.} Pāli, S. 4.7. Suppati. Biệt dịch, №100(26).

*Ngủ sao, vì sao ngủ?
Đã diệt, sao còn ngủ?
Nhà trống, làm sao ngủ?
Ra được, sao lại ngủ?*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ đáp:

*Vì lười ái nên nhiễm,
Không ái, ai kéo đi?
Diệt tất cả hữu dư,
Chỉ Phật được ngủ yên.
Ngươi ác Ma Ba-tuần,
Nói những gì ở đây?*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

**
*

KINH 1088. KINH HÀNH²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Bấy giờ vào ban đêm, trời mưa bụi, có tia chớp lóe lên. Thế Tôn ra khỏi phòng đi kinh hành.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Đêm tối, trời mưa bụi, tia chớp lóe lên, Sa-môn Cù-đàm ra khỏi phòng, đi kinh hành. Bấy giờ, ta sẽ đến gây trở ngại.’ Nó cầm một khối đá to, đùa giỡn trên hai tay, đến trước Phật bóp nát thành bụi nhỏ.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Dù núi Kỳ-xà-quật,
Trước Ta, bị bóp nát;
Thì chư Phật giải thoát,
Cũng không động mảy lông.*

²¹. Pāli, S. 4. 11. Pāsāṇa. Biệt dịch, N°100(27).

*Giả sú trong bốn biển,
Khiến tất cả núi non;
Và thân tộc phóng dật²²,
Khiến nát thành vi trấn,
Cũng không làm lay động,
Một sợi tóc Như Lai.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta.’ Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

**

KINH 1089. ĐẠI LONG²³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành, cho đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm ở trước.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-dàm đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá, ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành cho đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm ở trước. Bây giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.’ Liền hóa thành một con rồng to²⁴ quấn Phật bảy vòng, cất đầu đến trên đảnh Phật, thân như chiếc thuyền to, đầu như cái buồm lớn, mắt đỏ như lò đồng, lưỡi như điện chớp, hơi thở dữ dội như tiếng sấm. Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Giống như ngồi nhà trống,
Tâm Mâu-ni rỗng lặng;
Chuyển xoay ở trong đó,
Thân Phật cũng như vậy.
Vô lượng rồng hung ác,
Ruồi, muỗi, rệp, côn trùng;
Tụ lại ăn thân kia,*

²². Đây chỉ quyển thuộc của A-tu-la.

²³. Pāli, S. 4.6. Sappa (Rắn). Biệt dịch, №100(28).

²⁴. Hán: đại long 大龍. Pāli: mahanta sapparājā, đại xà vương.

*Cũng không động lông tóc.
Dù phá nát hư không,
Nghiêng úp cả đại địa;
Tất cả loài chúng sanh,
Đều đến gây kinh sợ.
Gươm, mâu, dao, tên bén,
Cũng đến hại thân Phật;
Mọi bạo hại như vậy,
Cũng không tổn mảy lông.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng cảm thấy lo buồn liền biến mất.

**
*

KINH 1090. NGỦ YÊN²⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong thắt đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ²⁶, thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy, nơi đất trống hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành đến cuối đêm, rửa chân, vào thắt, nằm yên nghỉ, nghiêng hông bên phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong thắt đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy, nơi đất trống, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành đến cuối đêm, rửa chân, vào thắt, nằm yên nghỉ, nghiêng hông bên phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức. Bây giờ, ta sẽ đến gây trở ngại.’ Ma Ba-tuần hóa ra một thiếu niên đến đứng trước Phật, mà nói kệ:

²⁵. Pāli, S. 4.13. Sakalika. Biệt dịch, №100(29).

²⁶. Vương xá thành Tỳ-bà-la sơn Thất diệp thọ lâm thạch thắt 王舍城毘婆羅山七葉樹林石室. Đây chỉ hang Sattapaññiguhā, trên sườn núi Vebhāra, thành Rājagaha. Nhưng bản Pāli: Maddakucchismim̄ Migadāye, vườn Nai, trong rừng Maddakucchi.

*Nhân vì ta nêngu?
Hay là vì đời sau?
Có nhiều tiền, của báu?
Có sao chọn ở rừng?
Một mình không bè bạn,
Mà mê đắm ngủ nghỉ?*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Không nhân ngươi nêngu,
Không phải vì đời sau,
Cũng không nhiều tiền của,
Chỉ gom báu vô ưu.
Vì thương xót thế gian,
Nên nằm nghiêng hông phải,
Thức cũng không nghi hoặc
Ngủ cũng không sợ hãi.
Hoặc ngày, hoặc lại đêm,
Không tăng cũng không giảm.
Vì thương chúng sanh ngủ,
Nên không có tổn giảm.
Dù dùng trăm mũi nhọn,
Xuyên thân, luôn khuấy động,
Vẫn được ngủ an ổn,
Vì lìa gươm bên trong.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta.’ Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

**
*

KINH 1091. CÙ-ĐÈ-CA²⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ²⁸, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Cù-đè-ca²⁹ cũng ở

^{27.} Pāli, S.4.23. Godhika. Biệt dịch, №100(30).

^{28.} Xem cht.26, kinh1090.

^{29.} Cù-đè-ca 罦低迦. Pāli: Godhika.

thành Vương xá, trong hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân³⁰, một mình tư duy, tu hạnh không phóng dật, tự được nhiều lợi ích, tự chứng ngộ tâm giải thoát nhất thời³¹, nhiều lần bị thoái chuyển. Lần thứ nhất, thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, trở đi, trở lại; sau khi tự thân tác chứng tâm giải thoát nhất thời, chẳng bao lâu lại thoái chuyển.

Tôn giả Cù-đè-ca tự nghĩ: ‘Một mình ta ở chỗ vắng tư duy, hành không phóng dật, tinh tấn tu tập để tự được lợi ích, khi tự thân chứng ngộ tâm giải thoát nhất thời, mà nhiều lần lại còn thoái chuyển, cho đến sáu lần vẫn còn thoái chuyển lại. Bây giờ, ta nên dùng đao tự sát chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy.’

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở nơi thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, tại thành Vương xá, có đệ tử là Cù-đè-ca cũng ở thành Vương xá, trong hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, khi tự thân tác chứng tâm giải thoát nhất thời, qua sáu lần thoái chuyển. Ông tự nghĩ: ‘Ta đã qua sáu lần phản thoái mới trở lại được, chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy. Ta hãy dùng đao tự sát chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy.’ Nếu Tỳ-kheo kia dùng đao tự sát, ta chớ để tự sát, mà ra khỏi cảnh giới của ta. Bây giờ ta nên đến bảo Đại Sư ông ấy.”

Bấy giờ, Ma Ba-tuần cầm đòn ty bà bằng lưu ly, đến chỗ Thế Tôn, vừa khảy đòn vừa nói kệ:

*Đại trí đại phương tiện,
Tự tại thân lực lớn,
Được đệ tử sáng chóis,
Mà nay muốn chết đi.
Đại Mâu-ni nên ngăn,
Chớ để ông tự sát.*

³⁰. Tiên nhân sơn trắc Hắc thạch thất 仙人山側黑石室 . Pāli: Isigili-passa, Kālasilā.

³¹. Hán: thời thọ ý giải thoát 時受意解脫 ; tức, thời giải thoát hay thời ái tâm giải thoát, trường hợp A-la-hán chứng tâm giải thoát tùy thuộc hoàn cảnh; khi nghịch duyên, có thể bị thoái thất. Xem, Câu-xá 25, Đại 29, tr.129a 19, 130b 16 Pāli: sāmāyikam ceto-vimuttim.

*Sao để đệ tử Phật,
Theo học Chánh pháp luật,
Học nhưng không chứng đắc,
Chỉ muốn chết cho xong?*

Ma Ba-tuần nói kệ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ba-tuần, giống phóng dật,
Vì việc mình nên đến,
Bậc đã được kiên cố,
Thường trú diệu thiền định.
Ngày đêm chuyên tinh tấn,
Không nghĩ đến tánh mạng,
Thầy ba cõi đáng sợ,
Đoạn trừ ái dục kia.
Đã chiết phục quân ma,
Cù-dè Bát-niết-bàn.
Tâm Ba-tuần buồn lo,
Tỳ bà rơi xuống đất.
Lòng ôm ấp ưu sầu,
Liền biến mất không hiện.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy cùng Ta đến hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, xem Tỳ-kheo Cù-dè-ca dùng dao tự sát.”

Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, thấy Tỳ-kheo Cù-dè-ca đã tự sát nằm trên đất, bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy Tỳ-kheo Cù-dè-ca tự sát, thân thể nằm trên đất không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn, đã thấy.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy chung quanh thân thể Tỳ-kheo Cù-dè-ca bốc khói đen đầy khắp bốn phía không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là ác Ma Ba-tuần ở bên thân thiện nam Cù-đè-ca, đang quanh quẩn tìm thần thức; nhưng Tỳ-kheo Cù-đè-ca với tâm vô trụ³² mà cầm đao tự sát!”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Tỳ-kheo Cù-đè-ca thọ ký lần đầu tiên.
Lúc ấy, Ma Ba-tuần nói kệ:

*Trên dưới cùng các phương,
Tìm khắp thần thức kia,
Đều không thấy nơi này,
Cù-đè-ca để đâu?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Bật kiên cố như vậy,
Không thể tìm ở đâu.
Nhổ sạch gốc ân ái,
Cù-đè Bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1092. MA NỮ³³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây Bồ-đề, tại làng Uất-bề-la bên bờ sông Ni-liên-thiền, thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở dưới gốc cây Bồ-đề, tại làng Uất-bề-la bên bờ sông Ni-liên-thiền, thành đạo chưa bao lâu. Ta sẽ đến đó làm chướng ngại.’

Ma Ba-tuần hóa ra một thiếu niên đến trước Phật mà nói kệ:

*Một mình vào chỗ vắng,
Thiền tư, tĩnh tư duy,
Đã bỏ nước, tài bảo,
Ở đây cầu lợi gì?*

³². Hán: bất trú tâm 不住心. Pāli: appatitthitena viññāñena, bằng thức vô trụ (không trú xứ).

³³. Pāli, S.4.24. Sattavassa; S.4.25. Dhitaro. Biệt dịch, N°100(31).

*Nếu câu lợi xóm làng,
Sao không gần gũi người?
Đã không gần gũi người,
Rốt cuộc được gì nào?*

Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Đã được tài lợi nhiều,
Tri túc, an tịch diệt,
Điều phục bọn quân ma,
Không đắm vào sắc dục.
Một mình riêng thiền tư,
Nếm vị thiền diệu lạc,
Cho nên không cùng người,
Quanh quẩn gần gũi nhau.*

Ma lại nói kệ:

*Cù-dàm nếu tự biết,
Đường Niết-bàn an ổn,
Riêng mình lạc vô vi,
Tại sao gương dạy người?*

Phật lại nói kệ đáp:

*Chẳng phải chố ma cấm,
Lại hỏi qua bờ kia,
Thì Ta đáp chân chánh,
Khiến người đặc Niết-bàn.
Kịp thời không phóng dật,
Tự tại không theo ma.*

Ma lại nói kệ:

*Có đá như mõ đặc,
Chim chóc muốn lại ăn,
Cuối cùng không được vị,
Trượt mõ trở về không.
Nay ta cũng như chúng
Luống nhọc về Thiên cung.*

Ma nói vậy xong, trong lòng cảm thấy lo buồn, tâm bỗng biến đổi, hối hận, cúi đầu sát đất, dùng ngón tay vẽ lên đất³⁴.

Ma có ba người con gái: Người thứ nhất tên là Ái Dục, người thứ hai tên là Ái Niệm, người thứ ba tên là Ái Lạc³⁵ đi đến chỗ Ma Ba-tuần nói kệ:

*Cha đang lo buồn gì?
Con người đáng gì lo,
Con dùng dây ái trói
Trói chúng như điệu voi
Lôi đem đến trước cha,
Tùy ý cha sai khiến.
Ma đáp lại con gái:
Khi đã lia ân ái,
Không dục nào lôi được
Đã ra khỏi cảnh ma
Cho nên ta lo buồn.*

Bấy giờ, ba con gái ma từ thân phóng ra ánh sáng lóe lên như những tia chớp trong mây, đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên bạch Phật:

“Nay con trở về dưới chân Thế Tôn, để giúp đỡ hầu hạ, xin Ngài sai khiến.”

Bấy giờ, Thế Tôn không ngó ngàng đến. Biết Như Lai đã lia ái dục, tâm thiện giải thoát. Hai ba phen nói như vậy, sau đó ba gái ma tự bảo với nhau rằng:

“Đàn ông có những loại ái dục tùy theo hình tướng. Bây giờ chúng ta mỗi người sẽ biến hóa ra những loại này, thành trăm thứ sắc của đồng nữ, trăm thứ sắc của thiếu nữ mới lấy chồng, trăm thứ sắc của phụ nữ chưa sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ đã sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ trung niên, trăm thứ sắc của phụ nữ đứng tuổi. Hóa ra những loại hình như vậy rồi, chúng ta đi đến Sa-môn Cù-đàm nói rằng: ‘Hôm nay tất cả đều về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sứ.’”

³⁴. Pāli: *kaṭṭhena bhūmiṇī vilikhanto*, dùng que vạch lên đất.

³⁵. Ái Lạc 愛樂, Ái Niệm 愛念, Ái Dục 愛欲. Pāli: *Tanhā* (khát ái), *Rati* (không lạc), *Rāga* (tham dục).

Bàn bạc với nhau xong, chúng liền biến hóa thành những loại như đã nói trên, đến chõ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bọn chúng con hôm nay về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sứ.”

Bấy giờ, Thế Tôn cũng không hề để ý đến.

“Pháp của Như Lai là lìa các ái dục.” Phật lặp lại như vậy ba lần.

Bấy giờ, ba ma nữ lại bảo với nhau:

“Nếu đàn ông chưa lìa dục trông thấy các hình thể tuyệt diệu của chúng ta, tâm sẽ bị mê loạn, dục khí dồn nén bốc lên, lồng ngực muốn vỡ, máu nóng đỏ bừng trên mặt. Nhưng hiện Sa-môn Cù-dàm không hề để ý đến chúng ta, nên biết Như Lai đã lìa dục, giải thoát, được thiện giải thoát tưởng. Bây giờ chúng ta mỗi người nên nói kệ để cật vấn.”

Ba ma nữ trở lại trước Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên. Thiên nữ Ái Dục liền nói kệ:

*Một mình vào chõ vắng,
Thiền tư, tĩnh tư duy,
Đã bỏ nước, tài bảo,
Ở đây lại cầu gì?
Nếu cầu lợi xóm làng,
Sao không gần gũi người?
Đã không gần gũi người,
Rốt cuộc được gì nào?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đã được tài lợi nhiều,
Tri túc, an tịch diệt,
Diều phục bọn quân ma,
Không đắm vào sắc dục.
Một mình riêng thiền tư,
Ném vị thiền diệu lạc.
Cho nên không cùng người,
Quanh quẩn gần gũi nhau.*

Thiên nữ Ái Niệm nói kệ:

*Tu nhiều thiền diệu gì,
Để thoát dòng ngũ dục?
Lại nhờ phƯƠng tiện nào,
Vượt qua biển thứ sáu?
Đối các dục sâu rộng,
Làm sao tu diệu thiền,
Để qua được bờ kia;
Mà không bị ái giữ?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Thân được lạc dừng nghỉ,
Tâm được khéo giải thoát,
Vô vi, không tạo tác,
Chánh niệm không dao động.
Biết rõ tất cả pháp,
Không khởi các loạn giác,
Ái, nhuế, thùy miên, phú,
Tất cả đều đã lìa.
Tu tập nhiều như vậy,
Thoát khỏi được năm dục,
Như đổi biển thứ sáu,
Tất qua được bờ kia.
Tu tập thiền như vậy,
Đối các dục sâu rộng,
Đều qua được bờ kia,
Không bị chúng giữ lại.*

Khi ấy, Thiên nữ Ái Lạc lại nói kệ:

*Đã đoạn trừ sân ái,
Chất chứa dục sâu dày,
Người nhiều đời tịnh tín,
Vượt qua được biển dục.
Mở ra trí tuệ sáng,
Vượt qua cảnh tử ma.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dại phuơng tiەn, rông độ,
Vào Pháp luật Như Lai,
Những người này đã độ,
Người trí còn lo gì?*

Bấy giờ; chí nguyễn của ba Thiên nữ chưa được thỏa mãn, trở lại chõ Ma Ba-tuần, cha của chúng. Khi ấy, Ma Ba-tuần vừa trông thấy các con gái đến, liền nói kệ trêu họ:

*Các con, này ba đứa.
Tự khoe mình kham năng,
Toàn thân phóng lúa sáng,
Như l่าน chớp trong mây.
Đến chõ Đại Tinh Tấn,
Mỗi người phô sắc đẹp.
Ngược lại đều bị phá,
Như gió lùa bông gòn.
Dùng ngón tay phá núi,
Dùng răng cắn hòn sắt,
Hay muốn dùng tóc, tơ,
Di chuyển hòn núi lớn?
Những người thoát hòa hợp,
Mà mong loạn tâm kia.
Muốn buộc dính chân gió,
Khiến trăng rơi giữa không,
Dùng tay khuấy biển lớn,
Hà hơi động núi tuyết.
Đã giải thoát hòa hợp,
Đẽ làm gì dao động.
Ở giữa biển sâu rộng,
Mà tìm đất đặt chân,
Như Lai đối tất cả,
Hòa hợp tất giải thoát,
Trong biển lớn Chánh giác,
Tim dao động cũng vậy.*

Ma Ba-tuần trêu ba cô con gái rồi biến mất.

**

KINH 1093. TỊNH BẤT TỊNH³⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật mới thành đạo, ở dưới cây Bồ-đề lớn bên bờ sông Ni-liền-thiền, tại xứ Uất-bè-la. Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm mới thành đạo, đang ở dưới bóng cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liền-thiền, xứ Uất-bè-la. Nay ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Tức thì tự biến thân mình thành trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh, đến chỗ Phật. Từ xa, Đức Phật trông thấy một trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh của Ma Ba-tuần liền tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần biến trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh là muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Mãi mãi trong sanh tử,
Làm sắc tịnh bất tịnh,
Vì sao người làm vậy?
Không vượt khổ, bờ kia.
Nếu thân, miệng và ý,
Không làm chướng ngại người,
Không bị ma sai sứ,
Không bị ma khống chế.
Biết ma ác như vậy,
Ma liền tự biến mất.*

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta. Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

**
*

KINH 1094. KHỔ HÀNH³⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật mới thành đạo, ở dưới cây Bồ-đề lớn, bên bờ sông Ni-liền-thiền, tại xứ Uất-bè-la. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh, chuyên tâm thiền định tư duy, tự nghĩ như vầy: ‘Nay Ta khéo

³⁶. Pāli, S.4.2. Nāga; 4.3. Subha. Biệt dịch, N°100(32).

³⁷. Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S. 4. 1. 1. Tapokammañca.

giải thoát khổ hạnh³⁸. Lành thay! Nay Ta khéo giải thoát khổ hạnh. Trước kia tu chánh nguyện, ngày nay đã được quả Vô thượng Bồ-đề.'

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-dàm mới thành Chánh giác đang ở dưới cây Bồ-đề, tại xứ Uất-bè-la bên bờ sông Ni-liền-thiền. Nay ta sẽ đến làm chướng ngại'. Liên biến thành một thiếu niên đến trước Phật mà nói kệ:

*Chỗ tu đại khổ hạnh,
Thường khiến được thanh tịnh,
Nay ngược lại, vất vả,
Ở đây tìm những gì?
Muốn cầu tịnh ở đây,
Tịnh cũng không thể được.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liên nói kệ:

*Biết các tu khổ hạnh,
Thảy đều không có nghĩa,
Hoàn toàn không được ích,
Như cung chỉ có tiếng³⁹.
Giới, định, văn, tuệ, đạo,
Ta đều đã tu tập,
Được thanh tịnh bậc nhất,
Tịnh này không gì hơn.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta. Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

**
*

KINH 1095. KHẤT THỰC⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại làng Sa-la của Bà-la-môn⁴¹. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào làng Sa-la khất thực.

^{38.} Khổ hạnh. Pāli: dukkhārakārikāya, đây chỉ sáu năm khổ hạnh của Phật.

^{39.} Pāli: như bánh lái của chiếc thuyền trên cạn.

^{40.} Pāli, S.4.18. Piṇḍa.

^{41.} Sa-la Bà-la-môn tụ lạc 婆羅婆門聚落. Pāli: Pañcasālāyām brāhmaṇagāme.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-dàm sáng sớm đắp y, ôm bát, vào làng Sa-la khất thực. Bây giờ ta nên đến trước, vào nhà họ, nói với những gia chủ Bà-la-môn tín tâm, để cho Sa-môn Cù-dàm ôm bát trống ra về.” Lúc ấy, Ma Ba-tuần chạy theo sau Phật kêu: “Sa-môn! Sa-môn! Không được thức ăn sao?”

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm náo loạn.’ Liên nói kệ:

*Người đối với Như Lai,
Mới phạm vô lượng tội,
Người bảo rằng Như Lai,
Chịu mọi khổ náo ư?*

Khi ấy, Ma Ba-tuần nói: “Cù-dàm hãy trở lại làng xóm. Tôi sẽ khiến cho Ngài được khất thực.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Dù thật không có gì,
Vẫn an lạc tự sống.
Như trời Quang âm kia,
Hỷ lạc là thức ăn.
Dù thật không có gì,
Vẫn an lạc tự sống.
Hỷ lạc là thức ăn.
Không nương vào có thân.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta. Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

**

KINH 1096. SỢI DÂY⁴²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trú xứ của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta đã giải thoát dây trói buộc trời, người. Các ông lại cũng đã giải thoát dây trói buộc trời, người. Các ông nên đi vào nhân gian, đi

⁴². Pāli, S.4.4-5 Pāsa.

qua nhiều chỗ, lợi ích nhiều nơi, an lạc cho trời, người. Không cần bạn đồng hành, mỗi người tự đi⁴³. Bây giờ, Ta cũng du hành trong nhân gian, đến trú xứ Uất-bè-la.”

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-dàm đang ở trong vườn Lộc dã trú xứ của Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại, vì các Thanh văn mà nói như vậy: ‘Ta đã giải thoát dây ràng buộc trời, người. Các ông lại cũng đã... Các ông, riêng mỗi người đi vào nhân gian giáo hóa,... cho đến Ta cũng du hành trong nhân gian, đến trú xứ Uất-bè-la.’ Bấy giờ ta sẽ đến làm chướng ngại.” Liền biến thành một thiếu niên đứng trước Phật mà nói kệ:

*Không thoát, nghĩ tưởng thoát,
Tự hô giải thoát rồi;
Lại buộc thêm càng chặt,
Nay ta quyết không tha.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn. Liền nói kệ:

*Ta thoát tất cả rồi,
Mọi trói buộc trời, người.
Đã biết người Ba-tuần,
Hãy tự diệt, mất đi.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta. Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

**
*

KINH 1097. THUYẾT PHÁP⁴⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ⁴⁵ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, trong làng Thạch Chủ họ Thích có nhiều người chết vì bệnh dịch. Dân chúng mọi nơi hoặc nam hoặc nữ, từ bốn phương đều thọ trì tam quy. Những bệnh nhân nam nữ hoặc lớn hoặc

^{43.} Sf. Mv.i., vin.i - 21.

^{44.} Pāli, S.4.14. Patirūpa.

^{45.} Thạch Chủ 石主. Pāli: Kosalesu Ekasālāyam brāhmaṇagāme.

nhỏ này đều là những người nhân đến tự xưng tên họ: ‘Chúng con tên... xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.’ Cả thôn cả ấp đều như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn vì hàng Thanh văn mà ân cần thuyết pháp. Lúc ấy những người có tín tâm quy y Tam bảo đều được sanh vào trong cõi trời, hay người. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-dàm đang ở trong nhà Thạch Chủ họ Thích trong làng họ Thích, ân cần thuyết pháp cho bốn chúng. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Liền biến thành một thiếu niên đến đứng trước Phật nói kệ:

*Vì sao siêng thuyết pháp,
Giáo hóa cho mọi người?
Trái nghịch, không trái nghịch,
Không khỏi bị xua đuổi.
Vì còn bị ràng buộc,
Nên vì họ thuyết pháp⁴⁶.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Dạ-xoa ngươi nên biết,
Chúng sanh sanh tập quần,
Những người có trí tuệ,
Ai mà không thương xót?
Vì có lòng thương xót,
Không thể không giáo hóa,
Thương xót mọi chúng sanh,
Lẽ tự nhiên như vậy⁴⁷.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

**
*

⁴⁶. Pāli: netam tava patirūpaṁ, yad aññam anusāssasi, anurodhavirodhesu, mā sajjittho tad ācaran ti, “Thật không thích hợp để Ngài giáo hóa người khác. Chớ đi giữa những người tán thành và những người chống đối.”

⁴⁷. Pāli: hitānukampī sambuddho, yad aññam anusāssati; añurodha-virodhehi vippamutto Tathāgato ti, Đấng Chánh Giác giáo hóa mọi người do lòng thương tưởng, lân mẫn. Như Lai đã giải thoát ngoài những tán thành và chống đối.

KINH 1098. LÀM VUA⁴⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền định tư duy, tự nghĩ: “Có thể nào làm vua mà không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp mà không thi hành phi pháp chăng?”

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hiện tại Sa-môn Cù-dàm đang ở trong nhà Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích, một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền định tư duy, tự nghĩ: ‘Có thể nào làm vua mà không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp mà không thi hành phi pháp chăng?’ Bây giờ, ta hãy nên đến đó vì họ mà nói pháp.” Liền biến thành một thiếu niên đến đứng trước Phật nói rằng:

“Như vậy, Thế Tôn! Như vậy, Thiện Thệ! Có thể được làm vua không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp, không thi hành phi pháp. Thế Tôn nay hãy làm vua! Thiện Thệ nay hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý.”

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Nên nói với ma rằng:

“Ma Ba-tuần, vì sao ngươi nói: ‘Thế Tôn nay hãy làm vua! Thiện Thệ nay hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý?’”

Ma bạch Phật:

“Chính tôi nghe từ Phật nói như vầy: ‘Nếu bốn Như ý túc được tu tập, tu tập nhiều rồi, muốn khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng tức thì làm được, không khác.’ Nay, Thế Tôn đã có tứ Như ý túc, tu tập, tu tập nhiều, có thể khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng như ý, không khác. Cho nên tôi bạch: ‘Thế Tôn hãy làm vua! Thiện Thệ hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý.’”

Phật bảo Ba-tuần:

“Ta không có tâm muốn làm vua. Vì sao phải làm? Ta cũng không có tâm muốn núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng. Tại sao phải biến?”

^{48.} Pāli, S.4.20. Rajja.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Dù thật có vàng ròng,
Giống như núi Tuyết chúa,
Một người được vàng này,
Cũng còn không biết đủ.
Cho nên người trí tuệ,
Vàng đá coi như nhau.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’
Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

**
*

KINH 1099. SỐ ĐÔNG⁴⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng đường để may y.

Lúc đó, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng đường để may y. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.” Liền biến thành một thanh niên Bà-la-môn, quấn búi tóc to, mặc áo da thú, tay cầm gậy cong, đến nhà cúng đường⁵⁰, đứng im lặng trước chúng Tỳ-kheo, trong giây lát nói với các Tỳ-kheo:

“Các ông tuổi trẻ xuất gia, da trắng, tóc đen, tuổi đang lúc sung sức nên hưởng thụ ngũ dục, trang điểm tự lạc. Vì sao trái nghịch thân tộc, khiến họ khóc lóc chia lìa, chí tin, không nhà, xuất gia học đạo? Tại sao lại bỏ cái lạc hiện tại mà đi tìm cái lạc phi thời của đời khác⁵¹? ”

Các Tỳ-kheo nói với Bà-la-môn:

“Chúng tôi không bỏ cái lạc hiện tại mà đi tìm cái lạc phi thời của đời khác, nhưng bỏ cái lạc phi thời để thành tựu cái lạc hiện tại?”

Ma Ba-tuần lại hỏi:

⁴⁹. S. 4.21. Sambahuā.

⁵⁰. Nhà thị giả, hay nhà khách trong tỉnh xá.

⁵¹. Xem cht.55, kinh 1078.

“Thế nào là bỏ cái lạc phi thời để thành tựu cái lạc hiện tại?”

Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn đã dạy: ‘Cái lạc của đời khác thú vị ít mà khổ nhiều, lợi ít mà hại nhiều.’ Thế Tôn đã nói: ‘Cái lạc hiện tại xa lìa các nhiệt nǎo, không đợi thời tiết, có thể tự thông đạt, duyên vào tự tâm mà giác tri.’ Nay Bà-la-môn, đó gọi là cái lạc hiện tại.”

Khi ấy Bà-la-môn ấm ớ, lắc đầu ba lần, chống gậy xuống đất rồi biến mất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng, tự hỏi: ‘Đó là hạng Bà-la-môn nào, đến đây rồi biến mất?’ Liền đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con đang ở nhà cúng dường để may y, có một thanh niên Bà-la-môn quấn búi tóc to đến chỗ chúng con nói rằng: ‘Các ông tuổi trẻ xuất gia... Nói đầy đủ như trên cho đến: ấm ớ, lắc đầu ba lần, chống gậy xuống đất rồi biến mất. Chúng con sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng. Đó là hạng Bà-la-môn nào mà đến đây rồi biến mất?’

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó không phải là Bà-la-môn nào, mà là Ma Ba-tuần đến chỗ các ông, muốn làm nhiễu loạn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Phàm sanh các khổ nǎo,
Đều do nơi ái dục.
Biết đời là kiếp nhọn,
Người nào ua thích dục?
Biết thế gian hữu dư,
Tất cả là kiếp nhọn,
Cho nên người trí tuệ,
Phải luôn tự điều phục.
Tích tụ vàng ròng nhiều,
Giống như núi Tuyết chúa,
Chỉ một người thọ dụng,
Ý còn không biết đủ,
Cho nên người trí tuệ,
Phải tu bình đẳng quán.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1100. THIỆN GIÁC⁵²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có Tôn giả Thiện Giác⁵³, sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng Thạch Chủ họ Thích khất thực. Sau khi khất thực trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào trong rừng ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày, tự nghĩ: “Ta được điều lợi ích! Đã xuất gia học đạo trong Chánh pháp luật. Ta được điều lợi ích! Đã may mắn gặp Đại Sư Như Lai Đẳng Chánh Giác. Ta được điều lợi ích! Đã được ở trong đại chúng phạm hạnh, trì giới đầy đủ, đức độ, hiền thiện chân thật. Nay ta sẽ được mang chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành.”

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-dàm đang ở nhà Thạch Chủ làng họ Thích và có đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác đắp y, ôm bát... nói đầy đủ như trên cho đến sẽ được mang chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Bấy giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Liền hóa thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, ai thấy cũng sợ. Sức mạnh này có thể lật úp đại địa, đi đến chỗ Tỳ-kheo Thiện Giác.

Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, liền sanh lòng sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Phật, đánh lỗ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm con đắp y, ôm bát... nói đầy đủ như trên cho đến sẽ được mang chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Con thấy có người thân to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lật úp đất, thấy rồi sanh lòng sợ hãi, sợ hãi đến dựng đứng cả lông!”

⁵². Pāli, S.4.22. Samiddhi.

⁵³. Thiện Giác 善覺. Pāli: Samiddhi.

Phật bảo Thiện Giác:

“Đó không phải là người thân to lớn, là Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn. Ông hãy trở về nương vào dưới bóng cây tu tập tam-muội như trước, hãy tác động ma kia, để nhờ đó thoát khổ.”

Khi ấy Tôn giả Thiện Giác liền trở về chỗ cũ, sáng sớm đắp y, ôm bát vào nhà Thạch Chủ, làng họ Thích khất thực, khất thực xong trở về tinh xá. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến sẽ* được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-dàm đang ở nhà Thạch Chủ làng họ Thích và có đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác, đắp y, ôm bát. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến sẽ* được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Lại hóa ra thân to lớn, sức mạnh dũng mãnh, có thể lay động quả đất, đến đứng trước Thiện Giác. Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy ma lại liền nói kệ:

*Ta chánh tín không nhà,
 Để xuất gia học đạo.
 Nơi Phật, vô giá bảo⁵⁴,
 Chuyên buộc tâm chánh niệm.
 Mặc người hóa hình sắc,
 Tâm ta không dao động.
 Biết người là huyền hóa,
 Từ đây hãy mất đi.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

**
*

KINH 1101. SƯ TỬ⁵⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ ở của các Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁵⁴. Vô giá bảo 無 價 寶. Bản Tống-Nguyễn-Minh: Pháp Tăng bảo 法 僧 寶.

⁵⁵. Pāli, S.4.12. Sīha.

"Thanh văn của Như Lai rống lên tiếng rống của sư tử, nói là: 'Đã biết! Đã biết!' Vậy, không biết Thanh văn của Như Lai đã biết những pháp gì? Vì đã biết nên rống lên tiếng rống của sư tử, đó là: 'Thánh đế về khổ, Thánh đế về sự tập khởi của khổ, Thánh đế về sự tận diệt khổ, Thánh đế về con đường đưa đến diệt khổ.'"

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-dàm đang ở trong vườn Lộc dã, chỗ ở của các Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại, vì các Thanh văn thuyết pháp,... cho đến đã biết bốn Thánh đế. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.' Liền hóa ra một thiếu niên đứng trước Phật nói kệ:

*Vì sao giữa đại chúng,
Sư tử rống không sợ,
Bảo rằng: 'Không ai địch',
Mong điều phục tất cả.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

*Như Lai đối tất cả,
Chánh pháp luật sâu xa,
Phương tiện sư tử rống,
Nơi pháp không sợ hãi,
Nếu người có trí tuệ,
Cớ sao tự lo sợ?*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

**

KINH 1102. BÁT⁵⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong đồng trống bị nhiều người giãm đạp, tại thành Vương xá, cùng với năm trăm Tỳ-kheo; Ngài lấy năm trăm bình bát để giữa sân, vì họ mà nói pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn lại vì năm trăm Tỳ-kheo nói về năm uẩn là

⁵⁶. Pāli, S.4.16. Patta.

pháp sanh diệt. Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-dàm đang ở trong đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, cùng với năm trăm Tỳ-kheo... cho đến nói về năm uẩn là pháp sanh diệt. Bây giờ, ta nên đến làm chướng ngại.’ Liền hóa ra một con trâu lớn đến chỗ Phật, vào chỗ để năm trăm bình bát. Các Tỳ-kheo muốn bảo vệ các bình bát, liền đuổi đi.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đó không phải là trâu, là Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.”

Liền nói kệ:

*Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Không phải ngã, ngã sở,
Nếu biết nghĩa chân thật,
Không đắm trước nơi chúng.
Tâm không đắm trước pháp,
Thoát khỏi sắc ràng buộc,
Thấu rõ khắp mọi nơi,
Không trụ cảnh giới ma.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1103. NHẬP XỨ⁵⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, cùng với sáu trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn lại vì các Tỳ-kheo nói về sáu xúc nhập xứ⁵⁸ tập, sáu xúc tập, sáu xúc diệt. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-dàm đang ở đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, vì sáu trăm Tỳ-kheo nói về sáu xúc nhập xứ, nói đây là pháp tập, đây là pháp diệt. Bây giờ, ta nên đến làm chướng ngại.” Liền hóa ra một thanh niên thân to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lay động quả đất đi đến chỗ Phật.

⁵⁷. Pāli, S.4.17. Āyatana.

⁵⁸. Xúc nhập xứ 觸入處. Pāli: phassāyatana.

Các Tỳ-kheo kia vừa trông thấy thanh niêm to lớn, dũng mãnh, sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng, nói với nhau rằng:

“Kia là ai mà hình dáng đáng sợ vậy?”

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Và thứ sáu: các pháp,
Niệm, ái, thích, vừa ý,
Thế gian chỉ có vậy.
Đây là tham ác nhất,
Thường trói buộc phàm phu,
Người vượt những bệnh này,
Là Thánh đệ tử Phật,
Vượt qua cảnh giới ma,
Như mặt trời không mây.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’

Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.



TẠP A-HÀM QUYỂN 40

KINH 1104¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người nào có khả năng thọ trì bảy thọ², chỉ nhờ nhân duyên này, người ấy sẽ được sanh lên cõi Thiên đế Thích. Thiên đế Thích xưa kia lúc còn làm người thường, phụng dưỡng cha mẹ cùng các bậc tôn trưởng trong gia tộc, với gương mặt hài hòa, lời nói mềm mỏng, không nói dữ, không nói hai lưỡi, thường nói chân thật. Đối với thế gian keo kiệt, người này tuy ở tại gia, nhưng không keo lẩn; thực hành giải thoát thí³, siêng bố thí, thường ưa hành bố thí, mở hội bố thí cúng dường, bố thí bình đẳng tất cả”.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Phụng dưỡng cho cha mẹ
Và tôn trưởng gia tộc;
Lời nhu hòa, cung kính,
Tránh lời thô, hai lưỡi.
Điều phục tâm keo kiệt,
Thường nói lời chân thật,
Trời Tam thập tam kia,
Thấy người hành bảy pháp;
Tất cả đều nói rằng,
Tương lai sanh cõi này.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

¹. Đại Chánh, quyển 40. Quốc Dịch, quyển 34, “Tụng viii.3. Tương ứng Đế thích” hai phẩm. Ấn Thuận, “Tụng viii. Tám chúng. 19. Tương ứng Đế thích” hai mươi hai kinh: 1207-1228; Đại Chánh 1104-1225. Phật Quang, quyển 40. Quốc Dịch, phẩm 1. Pāli, S.11.11. Vatapada. Biệt dịch, N°100(33).

². Thất chủng thọ, 七種受. Pāli: salta vatapadāni, bảy cẩm giới.

³. Giải thoát thí 解脫施. Pāli: muttacāga, huệ thí một cách rộng rãi.

KINH 1105. MA-HA-LY⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hâu, tại nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, có người dòng Ly-xa tên là Ma-ha-lợi⁵, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Ngài có thấy Thiên đế Thích không?”

Phật đáp:

“Thấy.”

Ly-xa lại hỏi:

“Thế Tôn có thấy con quỷ giống hình Thiên đế Thích không?”⁶

Phật bảo Ly-xa:

“Ta biết Thiên đế Thích. Cũng biết có quỷ giống Thiên đế Thích. Cũng biết pháp Thiên đế Thích kia, nhờ duyên thọ trì những pháp này nên được sanh chở Thiên đế Thích. Này Ly-xa, Đế Thích xưa kia, khi còn làm con người, hay phụng dưỡng cha mẹ,... cho đến hành xả bình đẳng.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Phụng dưỡng cho cha mẹ
Và tôn trưởng gia tộc;
Lời nhu hòa, cung kính,
Lìa lời thô, hai lưỡi.
Điều phục tâm keo kiệt,
Thường nói lời chân thật,
Trời Tam thập tam kia,
Thấy người hành bảy pháp;
Tất cả đều nói rằng,
Tương lai sanh cõi này.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

⁴. Pāli, S.11.13. Mahāli. Biệt dịch, №100(34).

⁵. Ly-xa danh Ma-ha-lợi 離車名摩訶利. Pāli: Mahāli Licchavi.

⁶. Pāli: so hi nūna... Sakkapatirūpako bhavissati, không phải Đế Thích đâu, mà chỉ là tướng Đế Thích.

KINH 1106. DO NHÂN GI⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân được gọi là Thích Đề-hoàn Nhân⁸? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia, khi làm người, hành thí nhiệt thành⁹, bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng khốn khổ, người đi đường, người đi ăn xin, bằng các thứ đồ ăn, thức uống, tiền của, thóc gạo, lụa là, hoa hương, vật dụng trang nghiêm, giường nằm, đèn đuốc. Vì có khả năng làm như vậy, nên gọi là Thích Đề-hoàn Nhân¹⁰. ”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân được gọi là Phú-lan-dà-la¹¹? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thường hay hành thí y phục, đồ ăn thức uống,... cho đến đèn đuốc. Vì những nhân duyên này, nên gọi là Phú-lan-dà-la.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Nhân gì, duyên gì mà được gọi là Ma-già-bà¹²? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

⁷. Pāli, S.11.12. Sakkanāma. Biệt dịch, №100(35).

⁸. Thích Đề-hoàn Nhân 穏提桓因. Pāli: Sakko Devānam Indo.

⁹. Đốn thí 賴施. So sánh Pāli: sakkaccaṃ dānaṃ adāsi, bố thí một cách cung kính, nhiệt thành.

¹⁰. Định nghĩa của Pāli: sakkaccaṃ dāna adāsi tasmā kko ti vuccati, vì bố thí một cách cung kính (sakkaccaṃ), nên được gọi là Sakka (Thích).

¹¹. Phú-lan-dà-la 富蘭陀羅. Pāli: Purindado. Định nghĩa của Pāli: pure dānam adāsi tasmā purindado ti vuccati, do bố thí nơi thị tứ (pura) nên được gọi là Purindado.

¹². Ma-già-bà 摩伽婆. Pāli: Maghavā.

“Thích Đè-hoàn Nhân khi còn làm người tên là Ma-già-bà¹³, do đó Ma-già-bà là tên cũ của Thích Đè-hoàn Nhân.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Nhân gì, duyên gì mà lại có tên là Bà-sa-bà¹⁴? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đè-hoàn Nhân xưa kia khi còn là người luôn luôn đem áo bà-tiên-hòa¹⁵ bố thí, cúng dường, vì nhân duyên này nên Thích Đè-hoàn Nhân có tên Bà-sa-bà.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đè-hoàn Nhân lại có tên là Kiều-thi-ca¹⁶? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đè-hoàn Nhân xưa kia khi còn là người, là người dòng họ Kiều-thi¹⁷. Vì nhân duyên này, nên Thích Đè-hoàn Nhân lại có tên là Kiều-thi-ca.”

Tỳ-kheo hỏi Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đè-hoàn Nhân được gọi là Xá-chỉ-bát-đê¹⁸? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nữ A-tu-la Xá-chỉ là đệ nhất thiên hậu của Thiên đế Thích. Cho nên Đế Thích được gọi là Xá-chỉ-bát-đê.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đè-hoàn Nhân lại có tên là Thiên Nhãn¹⁹? ”

^{13.} Pāli: pubbe manussabhūto samāno magho nāma māṇavo ahosi, trước kia, khi còn là người, ông là thiếu niên tên là Magha.

^{14.} Bà-sa-bà 婆娑婆 . Pāli: Vāsava. Định nghĩa của Pāli: pubbe... āvasatham adāsi tasmā Vāsavo ti vuccati, trước kia, do bố thí nhà ở (āvasatha), nên được gọi là Vāsava.

^{15.} Bà-tiên-hòa 婆訥和 . Bản Cao-ly: tư 私 . Pāli: āvasatha (nhà ở), bản Hán hiểu là vasanakā (y phục).

^{16.} Kiều-thi-ca 橋尸迦 . Pāli: Kosiya (Kosika).

^{17.} Pāli: Kosiya.

^{18.} Xá-chỉ-bát-đê 舍脂鉢低 . Pāli: Sujampati, “chỗng của bà Suja”.

^{19.} Thiên Nhãn 千眼 . Pāli: Sahassakkha, hay Sahassaneta.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thông minh trí tuệ, ngồi một chỗ mà suy nghĩ cả ngàn thứ nghĩa, xem xét, cân nhắc. Vì nhân duyên này nên Thiên đế Thích còn gọi là Thiên Nhãn.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân còn có tên là Nhân-đề-lợi²⁰? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích kia đối với cõi trời Tam thập tam là vua, là chủ. Vì nhân duyên này nên Thiên đế Thích được gọi là Nhân-đề-lợi.”

Phật lại bảo Tỳ-kheo:

“Song Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thọ trì bảy thứ thọ, vì nhân duyên này nên được làm Thiên đế Thích. Những gì là bảy thọ? Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, phụng dưỡng cha mẹ... cho đến hành thí. Đó là bảy thứ thọ, vì nhân duyên này nên được làm Thiên đế Thích.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nói đầy đủ như trên.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1107. DẠ-XOA²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào đời quá khứ, có một con quỷ Dạ-xoa²² xấu xí, ngồi trên chỗ ngồi trống của Đế Thích. Khi chư Thiên Tam thập tam thấy quỷ xấu xí

^{20.} Nhân-đề-lợi 因提利 . Phiên âm từ Skt. Indra (= Pāli: Inda).

^{21.} Pāli, S.11.22. Dubbaññiya. Biệt dịch, N°100(36).

^{22.} Dạ-xoa 夜叉 . Pāli: Yakkha.

này ngồi trên chỗ ngồi trống của Đế Thích rồi, mọi người đều nỗi sân. Lúc chư Thiên nỗi sân như vậy, thì cứ theo cái sân như vậy, như vậy, con quỷ kia dung mạo dần dần trở nên xinh đẹp. Khi ấy chư Thiên Tam thập tam đến chỗ Đế Thích, tâu Đế Thích rằng: “Kiều-thi-ca, nên biết cho, có một con quỷ xấu xí ngồi trên chỗ ngồi trống của Thiên vương. Khi chư Thiên chúng tôi thấy con quỷ xấu xí ngồi trên chỗ ngồi trống của Thiên vương thì nổi giận vô cùng và tùy theo sự nổi giận của chư Thiên chúng tôi, con quỷ kia theo đó càng trở nên xinh đẹp.”

Thích Đề-hoàn Nhân bảo chư Thiên Tam thập tam:

“Chính sự sân nhuế kia có thể đổi trị con quỷ.”

Bấy giờ, Đế Thích tự đến chỗ con quỷ kia, sửa lại y phục, bày vai hữu, chắp tay xưng tên ba lần rằng:

“Nhân giả, tôi là Thích Đề-hoàn Nhân.”

Theo sự cung kính khiêm hạ như vậy của Thích Đề-hoàn Nhân, mà con quỷ kia cũng tùy thuộc vào như vậy, như vậy, dần dần trở lại xấu xí, liền biến mất. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân tự an tọa rồi nói kệ:

*Người chớ nên sân nhuế.
Bị sân chớ đáp sân;
Đối ác chớ sanh ác.
Nên phá hoại kiêu mạn.
Không sân cũng không hại,
Gọi là chúng Hiền thánh,
Tôi ác khởi sân hận,
Trụ vững như núi đá.
Nên giữ cơn giận lại,
Như điều xe ngựa sổng.
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân ở cõi trời Tam thập tam là vua Tự tại, khen ngợi không sân nhuế. Cũng vậy, các ông chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên khen ngợi không sân nhuế. Nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1108. ĐƯỢC MẮT²³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào sáng sớm, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà, trải tọa cụ ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy, trong tinh xá Kỳ-hoàn, có hai Tỳ-kheo tranh chấp. Một người mạ ly, một người im lặng. Người mạ ly liền hỏi cǎi, đến xin lỗi vị kia, mà Tỳ-kheo kia không nhận sự sám hối của vị này. Vì không nhận sự sám hối, nên trong tinh xá khi ấy, các Tỳ-kheo cùng đến khuyên can; lớn tiếng ồn ào.

Bấy giờ, Thế Tôn bằng tịnh thiên nhĩ hơn tai người, nghe trong tinh xá Kỳ-hoàn đang lớn tiếng ồn ào. Nghe vậy, từ thiền tịnh dậy, trở về tinh xá, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Sáng nay Ta đi khất thực trở về, vào rừng An-đà ngồi thiền, nhập chánh thọ ban ngày, nghe trong tinh xá, cao tiếng, lộn xộn, ồn ào, rốt cuộc là ai vậy?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Trong tinh xá này có hai Tỳ-kheo tranh chấp. Một người mắng, một người im lặng. Khi ấy Tỳ-kheo mắng đến sám hối, vị kia không nhận. Vì không nhận nên nhiều người khuyên can, cho nên mới có lớn tiếng, cao tiếng, ồn ào.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thế nào, Tỳ-kheo ngu si? Người đến sám hối mà không nhận sự sám hối của người ta. Nếu có người sám hối mà người nào đó không nhận, thì đó là ngu si, bị khổ não lâu dài, không có lợi ích.”

²³ Pāli, S.11.24. Akodha. Biệt dịch, N°100(37).

Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, có chư Thiên Tam thập tam tranh chấp nhau. Thích Đè-hoàn Nhân nói kệ dạy rằng:

*Với người, tâm không hại
Sân cũng không trói buộc,
Không ôm lòng hận lâu,
Vì không trụ sân khuế.
Tuy lại nổi giận dữ,
Không nói ra lời thô,
Không tìm người trút giận,
Nêu cái dở của người.
Luôn luôn tự phòng hộ,
Bên trong tinh sát nghĩa,
Không giận cũng không hại,
Thường câu hữu Hiền thánh.
Nếu câu hữu người ác,
Cũng rắn như núi đá,
Tự giữ con giận lại,
Như điều xe ngựa sổng,
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thích Đè-hoàn Nhân đối với trời Tam thập tam là vua Tự tại, thường hành nhẫn nhục, cũng lại khen ngợi người hành nhẫn nhục. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên hành nhẫn nhục và khen ngợi người hành nhẫn nhục. Nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1109. ĐƯỢC THIỆN THẮNG²⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

²⁴. Pāli, S.11.5. Subhāsitam-jaya. Biệt dịch, N°100(38).